

10 ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 MÔN SINH 11 NĂM 2019-2020

1. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 1

TRƯỜNG THPT ĐỒNG ĐẬU
KIỂM TRA 1 TIẾT HK1 MÔN SINH 11

Năm học: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

Phần 1: Trắc nghiệm: Hãy chọn đáp án đúng hoặc đúng nhất trong các câu sau:

Câu 1. Đặc điểm cấu tạo của tế bào lông hút ở rễ cây là:

- A. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
- B. Thành tế bào mỏng, có thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
- C. Thành tế bào dày, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
- D. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm nhỏ.

Câu 2. Quá trình cố định nitơ ở các vi khuẩn cố định nitơ tự do phụ thuộc vào loại enzym:

- A. Nitrôgenaza
- B. Perôxidaza
- C. Đêcacbôxilaza
- D. Đêaminaza

Câu 3. Vai trò sinh lý nào sau đây **không** phải của nito đối với cơ thể thực vật:

- A. Có vai trò trong quang phân li nước và cân bằng ion
- B. Nếu thiếu cây không thể phát triển bình thường được
- C. Điều tiết quá trình trao đổi chất trong cơ thể
- D. Thành phần bắt buộc của nhiều hợp chất sinh học quan trọng

Câu 4. Chu trình canvin diễn ra ở pha tối trong quang hợp ở nhóm hay các nhóm thực vật nào

- A. Ở cả 3 nhóm thực vật C₃, C₄ và CAM.
- B. Chỉ ở nhóm thực vật CAM
- C. Ở nhóm thực vật C₄ và CAM.
- D. Chỉ ở nhóm thực vật C₃.

Câu 5. Ở hạt thóc, ngô phơi khô có độ ẩm khoảng 13% thì cường độ hô hấp:

- A. Rất thấp
- B. Rất cao
- C. Trung bình
- D. Bằng không

Câu 6. Các nguyên tố vi lượng cần cho cây với 1 lượng rất nhỏ vì:

- A. Chức năng chính của chúng là hoạt hóa các enzym
- B. Phần lớn chúng được cung cấp từ hạt

- C. Chúng có vai trò trong hoạt động sống của cơ thể
D. Phần lớn chúng đã có trong cây

Câu 7. *Lúa chiêm lấp ló đầu bờ, hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.* Câu ca dao trên nói đến vai trò của yếu tố nào đối với cây lúa?

- A. Đạm vô cơ B. Ánh sáng
C. CO₂ D. Nước

Câu 8. Quá trình hấp thụ nước và ion khoáng ở rễ cây liên quan mật thiết với quá trình nào sau đây?

- A. Hô hấp B. Cảm ứng
C. Quang hợp D. Sinh trưởng

Câu 9. Giai đoạn quang hợp thực sự tạo nên C₆H₁₂O₆ ở cây mía là giai đoạn nào sau đây?

- A. Chu trình Calvin B. Pha sáng C. Pha tối D. Quang phân li nước

Câu 10. Diễn biến nào dưới đây **không có** trong pha sáng của quá trình quang hợp?

- A. Quá trình khử CO₂
B. Sự biến đổi trạng thái của diệp lục (từ dạng bình thường sang dạng kích thích)
C. Quá trình tạo ATP, NADPH và giải phóng oxy
D. Quá trình quang phân li nước

Câu 11. Ý nào dưới đây **không đúng** với ưu điểm của thực vật C₄ so với thực vật C₃?

- A. Thích nghi với những điều kiện khí hậu bình thường
B. Năng suất cao hơn
C. Nhu cầu nước thấp hơn, thoát hơi nước ít hơn
D. Cường độ quang hợp cao hơn

Câu 12. Chất được tách ra khỏi chu trình Calvin để khởi đầu cho tổng hợp glucôzơ là:

- A. ALPG (anđêhit photphoglixêric).
B. AM (axitmalic)
C. APG (axit photphoglixêric).
D. Rib – 1,5 - đip (ribulôzơ - 1,5 – điphôtpat).

Câu 13. Nơi diễn ra sự hô hấp mạnh nhất ở thực vật là:

- A. Ở rễ B. Ở thân. C. Ở lá. D. Ở quả.

Câu 14. Phần lớn các chất hữu cơ trong cây được tạo nên từ:

- A. CO₂ B. N₂ C. Các chất khoáng D. H₂O

C. Thoát hơi nước qua lớp cutin trên bề mặt lá

D. Thẩm thấu nước từ đất vào lông hút của rễ

Câu 24. Các loài cây sống ở sa mạc hơi nước thoát qua:

A. Cutin

B. Bề mặt tế bào biểu bì trên của lá

C. Khí khổng

D. Bề mặt tế bào biểu bì dưới của lá

Phần 2: Tự luận

Câu 1. Phân biệt pha sáng và pha tối trong quang hợp ở thực vật về các tiêu chí sau:

- Vị trí

- Nguyên liệu tham gia

- Sự chuyển hóa năng lượng

- Sản phẩm

Câu 2.

a. Hô hấp ở thực vật là gì? Viết phương trình hô hấp tổng quát? Hô hấp hiếu khí có ưu thế gì so với hô hấp kỵ khí?

b. Cho biết mục đích của việc bảo quản nông sản là gì? Nêu các biện pháp bảo quản nông sản?

ĐÁP ÁN

Phần 1: Trắc nghiệm: tất cả đáp án A là đúng

Phần 2: Tự luận

Câu 1. Phân biệt pha sáng và pha tối trong quang hợp ở thực vật về các tiêu chí sau:

Pha sáng	Pha tối
Vị trí: Màng tilacôit của lục lạp	Chất nền(stroma) của lục lạp
Nguyên liệu: H ₂ O, ADP, NADP ⁺ , ánh sáng, diệp lục	CO ₂ , ATP, NADPH, các ezim quang hợp
Sự chuyển hóa năng lượng: Quang năng → hóa năng chứa trong ATP và NADPH	Hóa năng trong ATP và NADPH → hóa năng trong chất hữu cơ C ₆ H ₁₂ O ₆ , (ADP, NADP ⁺)
Sản phẩm: ATP, NADPH, O ₂	

Câu 2.

a. Hô hấp ở thực vật là gì? Viết phương trình hô hấp tổng quát? Hô hấp hiếu khí có ưu thế gì so với hô hấp kỵ khí?

- Khái niệm: nêu như trong SGK

- PTTQ: SGK

- Ưu thế: Hô hấp hiếu khí sản sinh nhiều năng lượng (38 ATP) lớn hơn hô hấp kỵ khí (2 ATP)

b. Cho biết mục đích của việc bảo quản nông sản là gì? Nêu các biện pháp bảo quản nông sản?

- Mục đích: Nhằm làm giảm quá trình hô hấp nội bào đến mức tối thiểu để bảo tồn số lượng, chất lượng của nông sản trong quá trình bảo quản. Vì khi hô hấp mạnh sẽ tiêu hao nhanh chóng số lượng, chất lượng của nông sản

- Các biện pháp bảo quản:

+ Bảo quản khô (đối với các loại hạt giống)

+ Bảo quản lạnh (đối với các thực phẩm, rau, quả)

+ Bảo quản ở nồng độ CO₂ cao

2. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 2

SỞ GD&ĐT CÀ MAU

KIỂM TRA 45 PHÚT - NĂM HỌC 2019 - 2020

TRƯỜNG THPT PHAN NGỌC HIỂN

MÔN SINH 11

Thời gian làm bài: 45 phút

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

Câu 1. Nước và các ion khoáng đi từ đất vào mạch gỗ của rễ theo các con đường nào?

- A. Con đường tế bào chất và con đường gian bào.
- B. Qua lông hút vào tế bào nhu mô vỏ, sau đó vào trung trụ.
- C. Xuyên qua tế bào chất của cửa các tế bào vỏ rễ vào mạch gỗ.
- D. Đi theo khoảng không gian giữa các tế bào vào mạch gỗ.

Câu 2. Sự hút khoáng chủ động của tế bào phụ thuộc vào

- A. nhu cầu của cơ thể.
- B. cung cấp năng lượng.
- C. chênh lệch nồng độ ion.
- D. hoạt động trao đổi chất.

Câu 3. Động lực đẩy dòng mạch rây đi từ lá đến rễ và các cơ quan khác là:

- A. lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau và với thành mạch gỗ.
- B. sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa cơ quan nguồn (lá) và cơ quan chứa (rễ)
- C. lực đẩy (áp suất rễ).
- D. lực hút do thoát hơi nước ở lá.

Câu 4. Úp cây trong chuông thủy tinh kín, sau một đêm, ta thấy các giọt nước ứ ra ở mép lá. Đây là hiện tượng

- A. rỉ nhựa và ứ giọt. B. thoát hơi nước. C. rỉ nhựa. D. ứ giọt.

Câu 5. Ở một số cây (cây thường xuân - *Hedera helix*), mặt trên của lá không có khí khổng thì có sự thoát hơi nước qua mặt trên của lá hay không?

- A. Có, chúng thoát hơi nước qua lớp biểu bì.
B. Không, vì hơi nước không thể thoát qua lá khi không có khí khổng.
C. Có, chúng thoát hơi nước qua lớp cutin trên biểu bì lá.
D. Có, chúng thoát hơi nước qua các sợi lông của lá.

Câu 6. Phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. Ở mặt dưới của lá thường có nhiều khí khổng hơn mặt trên của lá.
B. Lá non thường có số ít khí khổng hơn lá già
C. Lá già thường có lớp cutin dày hơn lá non
D. Lá non thường có lớp cutin dày và ít khí khổng hơn so với lá già.

Câu 7. Nguyên tố vi lượng chỉ cần với một hàm lượng rất nhỏ nhưng nếu không có nó thì cây sẽ còi cọc và có thể bị chết. Nguyên nhân là vì các nguyên tố vi lượng có vai trò

- A. tham gia cấu trúc tế bào
B. quy định áp suất thẩm thấu của dịch tế bào
C. hoạt hóa enzym trong quá trình trao đổi chất
D. thúc đẩy quá trình chín của quả và hạt

Câu 8. Khi lá cây có màu vàng nên cung cấp những nguyên tố khoáng nào sau đây cho cây?

- A. Magiê, Kali B. Photpho, Magiê
C. Kali, Canxi D. Canxi, Magiê

Câu 9. Kali (K) không có vai trò nào trong tế bào

(1) hoạt hoá enzym. (2) cân bằng nước và ion. (3) mở khí khổng trên lá. (4) tăng độ đàn hồi tế bào.

Phương án đúng là

- A. (1), (2) và (4). B. (2), (3) và (4). C. (1), (2) và (3). D. (4).

Câu 10. Khi nói về trao đổi khoáng và nitơ, phát biểu nào sau đây **sai**?

- A. NO, NO₂ là chất gây độc hại cho cây
 B. N₂ tồn tại chủ yếu trong đất và trong không khí
 C. chỉ có thể bón phân cho cây thông qua hệ rễ
 D. bón phân hợp lí là phải bón đúng loại, vừa đủ, đúng nhu cầu của cây.

Câu 11. Loại vi khuẩn nào sau đây làm nhiệm vụ chuyển NO₃⁻ trong đất thành N₂?

- A. vi khuẩn nitrat hóa
 B. vi khuẩn amôn hóa
 C. vi khuẩn phản nitrat hóa.
 D. vi khuẩn cố định nitơ

Câu 12. Trong điều kiện nào sau đây, quá trình thoát hơi nước sẽ bị ngừng?

- A. đưa cây từ trong tối ra ngoài sáng
 B. đưa cây từ ngoài sáng vào trong tối
 C. tưới nước cho cây
 D. bón phân đậm cho cây với nồng độ thích hợp

Câu 13. Trong quá trình quang hợp ở thực vật, để tạo ra một phân tử O₂ thì cần bao nhiêu phân tử CO₂ và H₂O nguyên liệu?

- A. 1 phân tử CO₂ và 1 phân tử H₂O.
 B. 1 phân tử CO₂ và 2 phân tử H₂O.
 C. 2 phân tử CO₂ và 1 phân tử H₂O.
 D. 2 phân tử CO₂ và 2 phân tử H₂.

Câu 14. Sắc tố nào sau đây tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển quang năng thành hóa năng trong quang hợp ở cây xanh?

- A. Cả diệp lục a và diệp lục b.
 B. Chỉ cỏ diệp lục b.
 C. Chỉ có diệp lục a.
 D. Chỉ có diệp lục b và carôtenôit.

Câu 15. Hoàn thiện nội dung cột A và cột B trong bảng sau bằng các dữ kiện về quang hợp ở thực vật C₃ được cung cấp dưới đây.

<u>Cột A</u>	<u>Cột B</u>
Xảy ra ở grana của lục lạp	Xảy ra ở strôma của lục lạp

- (1) Pha sáng. (2) Pha tối. (3) Enzim cố định CO₂. (4) Diệp lục.
 (5) Chu trình Calvin. (6) Quang phân li nước. (7) Sản phẩm là O₂. (8). Sản phẩm là C₆H₁₂O₆.

Đáp án đúng là:

A. Cột A: 1, 4, 6, 7; cột B: 2, 3, 5, 8.

B. Cột A: 1, 5, 6, 7; cột B: 2, 4, 5, 8.

C. Cột A: 1, 4, 6, 8 ; cột B : 2, 3, 5, 7.

D. Cột A: 1, 3, 5, ; cột B: 2, 4, 6, 8.

Câu 16. Thực vật nào sau đây là thực vật C4?

A. Dứa.

B. Thanh long.

C. Xương rồng.

D. Mía.

Câu 17. Một gia đình nông dân chuẩn bị tiến hành gieo trồng trên một thửa ruộng khô hạn thuộc khu vực có nồng độ CO₂ thấp. Bạn có thể giới thiệu cho gia đình họ loại cây trồng nào dưới đây là phù hợp nhất?

A. Cây lúa.

B. Cây ngô.

C. Khoai lang.

D. Đậu tương.

Câu 18. Ghép nội dung cột 1 với cột 2 sao cho hợp lí

Cột 1: Loại cây	Cột 2: đặc điểm
I. Cây dứa II. Cây đậu III. Cây ngô	1. Lá mỏng nước 2. Điểm bù CO ₂ thấp 3. Thực vật C ₃ 4. Thực vật C ₄ 5. Thực vật CAM 6. Quá trình cố định CO ₂ vào ban ngày 7. Quá trình cố định CO ₂ vào ban đêm 8. Xảy ra hô hấp sáng làm tiêu hao sản phẩm quang hợp

A. I: 5, 1; II: 3, 7, 8; III: 4, 2.

B. I: 3, 1, 7; II: 5, 8; III: 4, 2.

C. I: 5, 1, 7; II: 3, 8; III: 4, 2.

D. I: 3, 1; II: 5, 7, 8; III: 4, 2.

Câu 19. Phát biểu nào sau đây sai khi nói về ảnh hưởng của các nhân tố ngoại cảnh đến quang hợp ở cây trồng cạn?

A. Cường độ và quang phổ của ánh sáng ảnh hưởng đến quang hợp.

B. Cường độ quang hợp luôn tăng tỉ lệ thuận với nồng độ CO₂ trong không khí.

C. Nhiệt độ ảnh hưởng đến các phản ứng enzym trong pha sáng và pha tối của quang hợp.

D. Các nguyên tố dinh dưỡng khoáng ảnh hưởng nhiều mặt đến quang hợp.

Câu 20. Có bao nhiêu tác nhân ngoại cảnh sau đây ảnh hưởng đến quá trình thoát hơi nước ở cây?

(1) Các ion khoáng.

(2) Ánh sáng.

(3) Nhiệt độ.

(4) Gió.

(5) Nước.

Câu 2: So sánh quang hợp giữa các nhóm thực vật C3, C4 và CAM? (2 điểm)

ĐÁP ÁN

I. Phần trắc nghiệm:

Câu hỏi	Mã đề 001
1	A
2	A
3	B
4	D
5	B
6	D
7	C
8	A
9	C
10	C
11	C
12	B
13	B
14	C
15	A
16	D
17	B
18	C
19	B
20	A
21	D
22	B
23	A
24	B

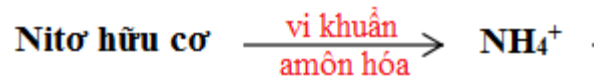
II. Phần tự luận

Phần tự luận:

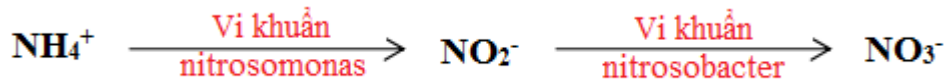
Câu 1. Quá trình chuyển hóa nitơ trong đất

- Con đường chuyển hóa nitơ hữu cơ (xác bã sinh vật) trong đất thành dạng nitơ khoáng (NO_3^- và NH_4^+). Đây là hai dạng nitơ mà rễ cây có thể hấp thụ được. Quá trình này gồm 2 giai đoạn:

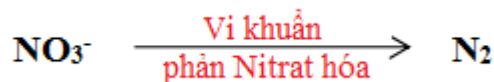
+ Quá trình amôn hóa: Các axit amin nằm trong các hợp chất mùn, trong xác bã động vật, thực vật sẽ bị vi sinh vật được vi khuẩn amôn hóa trong đất phân giải tạo thành NH_4^+ theo sơ đồ:



+ Quá trình nitrat hóa: Tiếp theo khí NH_3 được tạo thành do vi sinh vật phân giải các hợp chất hữu cơ sẽ bị vi khuẩn hiếu khí (vi khuẩn nitrat hóa) như Nitrosomonas oxy hóa thành HNO_2 và Nitrosobacter tiếp tục oxy hóa HNO_2 thành HNO_3 theo sơ đồ:



- Trong điều kiện môi trường đất kị khí, xảy ra quá trình chuyển hóa nitrat thành nitơ phân tử gọi là quá trình phản nitrat hóa:



Hậu quả: gây mất mát nitơ trong đất. Để ngăn chặn hiện tượng này cần xới đất tơi xốp, thông thoáng khí.

Quá trình cố định nitơ phân tử

- Khái niệm: Quá trình cố định nitơ là quá trình liên kết N_2 với H_2 thành NH_3 .

- Cố định nitơ bằng con đường sinh học: Là con đường cố định nitơ phân tử nhờ các vi sinh vật thực hiện. Vi sinh vật cố định nitơ gồm 2 nhóm:

+ Nhóm vi sinh vật sống tự do: vi khuẩn lam (Cyanobacteria)

+ Nhóm vi sinh vật sống cộng sinh với thực vật: Các vi khuẩn thuộc chi Rhizobium trong nốt sần rễ cây họ đậu.

Các vi sinh vật cố định nitơ có khả năng tổng hợp enzym nitrogenaza, enzym này có khả năng bẻ gãy 3 liên kết cộng hóa trị bền vững giữa 2 nguyên tử nitơ để nitơ liên kết với hiđrô tạo ra amôniac (NH_3). Trong môi trường nước, NH_3 chuyển thành NH_4^+ .

Câu 2: So sánh quang hợp giữa các nhóm thực vật C3, C4 và CAM?

* **Giống nhau:** Đều trải qua hai pha (pha sáng và pha tối), đều có chu trình Calvin tạo ra AIPG rồi từ đó hình thành nên các hợp chất cacbonhydrat, axit amin, protein, lipid

***Khác nhau:**

Chỉ tiêu so sánh	Thực vật C3	Thực vật C4	Thực vật CAM
Nhóm thực vật	Phân bố rộng trên trái đất: Rêu, cây thân gỗ...	Sống ở vùng nhiệt đới, cận nhiệt: Ngô, rau dền, mía...	Sống vùng sa mạc, nhiệt độ ban ngày cao: Thực vật mọng nước (xương rồng, thanh long...)
Chất nhận CO ₂	Ri – 1,5 đip (Ribulôzơ-1,5 điphotphat)	PEP (Phốt pho Enol piruvic)	PEP (Phốt pho Enol piruvic)
Sản phẩm đầu tiên	APG (3C) (Axit phốt pho glixêric)	AOA (4C) (Axit Oxalo Axetic)	AM (4C) (Axit malíc)
Tiến trình cố định CO ₂	Một giai đoạn xảy ra vào ban ngày theo chu trình Calvin	Hai giai đoạn (C4 và Calvin) xảy ra vào ban ngày	Một giai đoạn (C4) xảy ra vào ban đêm, một giai đoạn (Calvin) xảy ra vào ban ngày.

3. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 3

TRƯỜNG THPT NGHĨA MINH

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I

Môn: Sinh học 11

Năm học: 2019- 2020

Thời gian: 60 phút không kể thời gian giao đề

I. Phần trắc nghiệm

Hãy chọn phương án trả lời đúng nhất

Câu 1. Quá trình cố định nitơ trong khí quyển (nitơ phân tử) nhờ nhóm sinh vật:

A. vi khuẩn tự do và vi khuẩn cộng sinh.

- B. vi khuẩn kí sinh
- C. vi khuẩn cộng sinh
- D. vi khuẩn kí sinh và vi khuẩn cộng sinh.

Câu 2. Cây nào sau đây làm cho đất giàu nitơ:

- A. Lúa.
- B. Đậu tương.
- C. Củ cải.
- D. Ngô.

Câu 3. Pha sáng diễn ra ở vị trí nào của lục lạp?

- A. Ở chất nền.
- B. Ở tilacôit
- C. Ở màng ngoài.
- D. Ở màng trong.

Câu 4. Vai trò quan trọng nhất của hô hấp đối với cây trồng là gì?

- A. Cung cấp năng lượng chống chịu
- B. Tăng khả năng chống chịu
- C. Tạo ra các sản phẩm trung gian
- D. Miễn dịch cho cây

Câu 5. Quá trình lên men và hô hấp hiếu khí có giai đoạn chung là:

- A. Đường phân.
- B. Chu trình crep.
- C. Tổng hợp Axetyl - CoA.
- D. Chuỗi chuyển electron.

Câu 6. Cây hấp thụ nitơ ở dạng:

- A. NH_4^+ , NO_3^-
- B. N^{2+} , NH_3^+
- C. N^{2+} , NO_3^-
- D. NH_4^- , NO^{+3}

Câu 7. Các bộ phận tiêu hóa ở người vừa diễn ra tiêu hóa cơ học, vừa diễn ra tiêu hóa hóa học là:

- A. miệng, dạ dày, ruột non
- C. miệng, thực quản, dạ dày
- B. thực quản, dạ dày, ruột non.
- D. dạ dày, ruột non, ruột già

Câu 8. Nhiều loài thực vật không có lông hút rễ cây hấp thụ các chất bằng cách:

- A. cây thủy sinh hấp thụ các chất bằng toàn bộ bề mặt cơ thể
- B. một số thực vật cạn (Thông, sồi...) hấp thụ các chất nhờ nấm rễ
- C. nhờ rễ chính
- D. cả A và B

Câu 9. Nhận định nào sau đây sai ?

- A. Các loài thực vật không xảy ra hô hấp sáng thường phân bố ở những vùng có khí hậu nhiệt đới.
- B. Hô hấp sáng chỉ xảy ra ở thực vật C_3 , không xảy ra ở thực vật C_4 hoặc xảy ra rất yếu.
- C. Thực vật xảy ra hô hấp sáng có năng suất cao hơn thực vật không hô hấp sáng.

D. Hô hấp sáng là một trong những tiêu chuẩn quang hợp, dùng để phân biệt thực vật C_3 và thực vật C_4 .

Câu 10. Thứ tự các bộ phận trong ống tiêu hóa của chim là:

- A. miệng -> thực quản -> điều -> dạ dày cơ -> dạ dày tuyến -> ruột -> hậu môn
- B. miệng -> thực quản -> điều -> dạ dày tuyến -> dạ dày cơ -> ruột -> hậu môn
- C. miệng -> thực quản -> dạ dày cơ -> dạ dày tuyến -> điều -> ruột -> hậu môn
- D. miệng -> thực quản -> dạ dày tuyến -> dạ dày cơ -> điều -> ruột -> hậu môn

Câu 11. Ngoài lực đẩy của rễ, lực hút của lá, lực trung gian nào làm cho nước có thể vận chuyển lên các tầng vượt tán, cao đến hàng trăm mét ở cây?

- I. Lực hút bám trao đổi của keo nguyên sinh.
- II. Lực liên kết giữa các phân tử nước với nhau .
- III. Lực sinh ra do sự phân giải nguyên liệu hữu cơ của tế bào rễ.
- IV. Lực liên kết giữa các phân tử nước với thành mạch gỗ.

- A. I, IV.
- B. II, III.
- C. III, IV.
- D. II, IV.

Câu 12. Trật tự các giai đoạn trong chu trình canvin là:

- A. Khử APG thành ALPG → cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat).
- B. Khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat) → cố định CO_2 .
- C. Cố định CO_2 → khử APG thành ALPG → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat) → cố định CO_2 .
- D. Cố định CO_2 → tái sinh RiDP (ribulôzơ 1,5 - điphôphat) → khử APG thành ALPG.

Câu 13. Phần lớn các chất khoáng được hấp thụ vào cây theo cách chủ động diễn ra theo phương thức nào?

- A. Vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao ở rễ không cần tiêu hao năng lượng.
- B. Vận chuyển từ nơi có nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao ở rễ cần tiêu hao năng lượng.
- C. Vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp ở rễ.
- D. Vận chuyển từ nơi có nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp ở rễ cần ít năng lượng.

Câu 14. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng về nguyên tố dinh dưỡng khoáng thiết yếu ?

- A. Nguyên tố mà thiếu nó cây không hoàn thành được chu trình sống.
- B. Là những nguyên tố gián tiếp tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất trong cơ thể.
- C. Không thể thay thế bởi các nguyên tố nào khác dù chúng có tính chất hóa học tương tự.
- D. Là những nguyên tố trực tiếp tham gia vào quá trình chuyển hóa vật chất trong cơ thể.

Câu 15. Hiện nay, người ta thường sử dụng biện pháp nào để bảo quản nông sản, thực phẩm?

- I. Bảo quản trong điều kiện nồng độ CO₂ cao.
- II. Bảo quản bằng cách ngâm đối tượng vào dung dịch hóa chất thích hợp.
- III. Bảo quản khô.
- IV. Bảo quản lạnh.

A. I, II, IV. B. I, III, IV. C. II, III, IV. D. I, II, III.

Câu 16. Phương trình nào dưới đây là đúng với bản chất của quá trình quang hợp:

- A. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \xrightarrow{Ti\ the} 6CO_6 + 6H_2O$.
- B. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \xrightarrow{ASMT} 6CO_6 + 6H_2O$.
- C. $6CO_2 + 6H_2O \xrightarrow{ASMT} C_6H_{12}O_6 + 6O_2$.
- D. $6CO_2 + 12H_2O \xrightarrow{ASMT} C_6H_{12}O_6 + 6O_2 + 6H_2O$.

Câu 17. Tiêu hóa là quá trình:

- A. làm biến đổi thức ăn thành các chất hữu cơ
- B. tạo các chất dinh dưỡng và năng lượng
- C. biến đổi thức ăn thành các chất dinh dưỡng và năng lượng
- D. biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được

Câu 18. Chu trình cố định CO₂ ở thực vật C4 diễn ra ở đâu?

- A. Giai đoạn đầu cố định CO₂ và giai đoạn tái cố định CO₂ theo chu trình canvin diễn ra ở lục lạp trong tế bào bó mạch.
- B. Giai đoạn đầu cố định CO₂ diễn ra ở lục lạp trong tế bào mô dậu, còn giai đoạn tái cố định CO₂ theo chu trình canvin diễn ra ở lục lạp trong tế bào bó mạch.
- C. Giai đoạn đầu cố định CO₂ diễn ra ở lục lạp trong tế bào bó mạch, còn giai đoạn tái cố định CO₂ theo chu trình canvin diễn ra ở lục lạp trong tế bào mô dậu.
- D. Giai đoạn đầu cố định CO₂ và giai đoạn tái cố định CO₂ theo chu trình canvin diễn ra ở lục lạp trong tế bào mô dậu.

Câu 19. Sản phẩm quang hợp đầu tiên của chu trình C4 là:

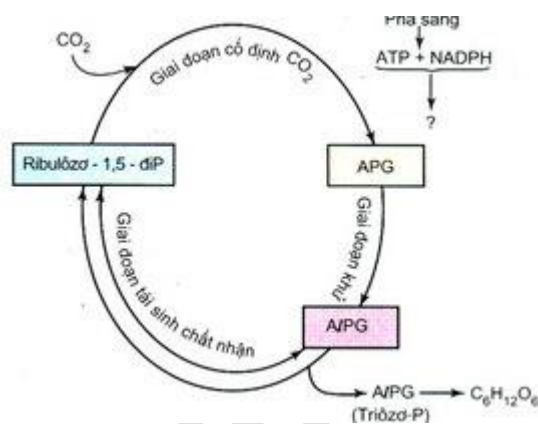
- A. APG (axit phốtphoglixêric).
- B. ALPG (andêhit photphoglixêric).
- C. AM (axitmalic).
- D. Một chất hữu cơ có 4 các bon trong phân tử (axit ôxalô axêtic – AOA).

Câu 20. Pha tối trong quang hợp của nhóm hay các nhóm thực vật nào chỉ xảy ra trong chu trình canvin?

- A. Nhóm thực vật CAM.
- B. Nhóm thực vật C₄ và CAM.
- C. Nhóm thực vật C₃.
- D. Nhóm thực vật C₄

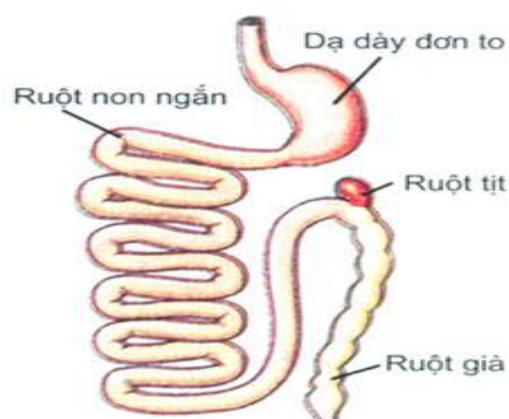
II. Phần tự luận

Câu 1. Cho hình ảnh sau:

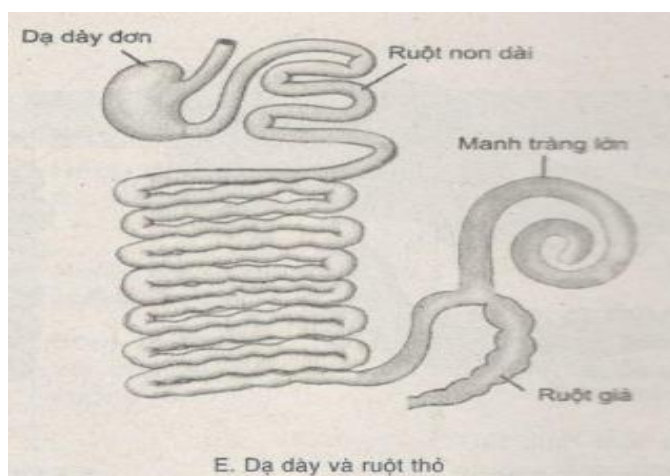


- a. Hãy cho biết tên của chu trình
- b. Hãy trình bày các giai đoạn của chu trình trên

Câu 2. Hãy quan sát vào hình ảnh A và hình ảnh B bên dưới và trả lời các câu hỏi



Dạ dày và ruột chó

HÌNH A**HÌNH B**

- a. Hãy xác định hình nào là dạ dày và ruột của thú ăn thịt và hình nào là dạ dày và ruột của thú ăn thực vật.
- b. Hãy chỉ ra những căn cứ để xác định dạ dày và ruột của thú ăn thịt và thú ăn thực vật
- c. Hãy lập bảng phân biệt về cấu tạo và chức năng của ống tiêu hóa ở thú ăn thịt và thú ăn thực vật theo bảng sau:

STT	Tên bộ phận	Thú ăn thịt	Thú ăn thực vật
1	Răng		
2	Dạ dày		
3	Ruột non		
4	Manh tràng		

ĐÁP ÁN**I. PHẦN THI TRẮC NGHIỆM**

Câu	Đ/A
1	A
2	B
3	B
4	D
5	A
6	A

7	A
8	D
9	C
10	B
11	D
12	C
13	B
14	B
15	B
16	C
17	D
18	B
19	D
20	C

II. PHẦN THI TỰ LUẬN

Câu 1. Chu trình canvin

Chu trình trên gồm 3 giai đoạn

- Giai đoạn cố định CO_2 : Dưới tác dụng của nguồn năng lượng ATP do pha sáng truyền cho hợp chất Ribulozo 1,5 đi photphat kết hợp với CO_2 để hình thành nên hợp chất Axit photpho glixeric (APG).

- Giai đoạn khử: Dưới tác dụng của lực khử NADPH do pha sáng truyền cho hợp chất Axit photpho glixeric (APG) bị khử thành hợp chất alđêhitphotpho glixeric (AIPG).

*Cuối giai đoạn khử có một lượng nhỏ AIPG tách ra khỏi chu trình canvin để hình thành nên glucozo và các hợp chất hữu cơ khác.

- Giai đoạn tái sinh chất nhận ban đầu: Pha sáng truyền năng lượng ATP để tái sinh chất nhận Ribulozo 1,5 đi photphat tiếp tục lặp lại chu trình.

Câu 2.

a.

- Hình A là dạ dày và ruột của thú ăn thịt
- Hình B là dạ dày và ruột của thú ăn thực vật

b.

2 Căn cứ:

- Hình A có ruột ngắn và manh tràng không phát triển là của thú ăn thịt.

- Hình B có ruột dài và manh tràng phát triển là của thú ăn thực vật

c. Hãy lập bảng phân biệt về cấu tạo và chức năng của ống tiêu hóa ở thú ăn thịt và thú ăn thực vật theo bảng sau:

STT	Tên bộ phận	Thú ăn thịt	Thú ăn thực vật
1	Răng	- Có sự phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng tiền hàm và răng hàm (0,125 đ) - Chức năng (0,125 đ) Học sinh nói được chức năng của một loại răng cũng cho điểm tối đa	- có sự phân hóa thành răng cửa, răng nanh, răng tiền hàm và răng hàm (0,125 đ) - Chức năng(0,125 đ) Học sinh nói được chức năng của một loại răng cũng cho điểm tối đa
2	Dạ dày	- Dạ dày đơn (0,125 đ) - Có chức năng chứa và tiêu hóa hóa học và tiêu hóa cơ học (0,125 đ)	- Dạ dày lớn và chia làm 2 nhóm: (0,125 đ) + Nhóm dạ dày đơn: Thỏ, ngựa... + Nhóm dạ dày kép: Động vật nhai lại như trâu, bò... - Có chức năng chứa và tiêu hóa hóa học và tiêu hóa cơ học (0,125 đ)
3	Ruột non	- Ngắn (0,125 đ) - Là nơi diễn ra tiêu hóa hóa học và cơ học đồng thời hấp thu các chất dinh dưỡng. (0,125 đ)	- Dài (0,125 đ) - Là nơi diễn ra tiêu hóa hóa học và cơ học đồng thời hấp thu các chất dinh dưỡng. (0,125 đ)
4	Manh tràng	- Không phát triển (ruột tịt) (0,25 đ)	- Manh tràng rất phát triển và còn được coi như dạ dày thứ

			hai có vai trò quan trọng trong tiêu hóa sinh học(0,25 đ)
--	--	--	---

4. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 4

TRƯỜNG THPT LÊ LỢI

ĐỀ THI HK1 SINH 11

NĂM HỌC: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (6 điểm)

Trong mỗi câu từ 1 đến 24 có 4 phương án trả lời A, B, C, D trong đó chỉ có một phương án đúng. Hãy ghi đáp án đúng vào bảng dưới đây:

Câu 1: Hô hấp hiếu khí có ưu thế hơn so với hô hấp kỵ khí ở điểm nào?

- A. Hô hấp hiếu khí xảy ra ở mọi nơi sinh vật còn hô hấp kỵ khí chỉ xảy ra ở 1 số loài sinh vật nhất định.
- B. Tích lũy được nhiều năng lượng hơn từ 1 phân tử glucôzơ được sử dụng trong hô hấp phân giải hiếu khí / kỵ khí = $38/2 = 19$ lần.
- C. Hô hấp hiếu khí cần O_2 còn kỵ khí không cần O_2
- D. Hô hấp hiếu khí tạo ra sản phẩm là CO_2 và H_2O , nước cung cấp cho sinh vật khác sống.

Câu 2: Bộ phận làm nhiệm vụ hút nước và muối khoáng chủ yếu ở rễ là:

- A. Chóp rễ
- B. Miền sinh trưởng
- C. Miền lông hút
- D. Miền bản

Câu 3: Các điều kiện cần cho quang hợp xảy ra là:

- A. diệp lục, ánh sáng, nước, khí CO_2
- B. lục lạp, ánh sáng, nhiệt độ, khí O_2
- C. diệp lục, ánh sáng, $C_6H_{12}O_6$, khí CO_2
- D. lục lạp, ánh sáng, nước, khí O_2

Câu 4: Về bản chất, pha sáng của quá trình quang hợp là:

- A. Pha phân li nước để sử dụng H^+ và electron cho việc hình thành ADP và NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.
- C. Pha phân li nước để sử dụng H^+ , CO_2 và electron cho việc hình thành ATP và NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.
- D. Pha khử nước để sử dụng H^+ và electron cho việc hình thành ATP và NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

D. Pha phân li nước để sử dụng H^+ và electron cho việc hình thành ATP và NADPH, đồng thời giải phóng O_2 vào khí quyển.

Câu 5: Các tia xanh tím kích thích:

- A. sự tổng hợp cacbonhidrat
B. sự tổng hợp ADN
C. sự tổng hợp prôtêin
D. Sự tổng hợp lipit

Câu 6: Chu trình Calvin diễn ra ở pha tối trong quang hợp ở nhóm hay các nhóm thực vật nào?

- A. Chỉ ở nhóm thực vật C_3
B. Ở cả ba nhóm thực vật C_3 , C_4 và CAM
C. Chỉ ở nhóm thực vật CAM
D. Ở nhóm thực vật C_4 và CAM

Câu 7: Quá trình hô hấp sáng có sự tham gia lần lượt của các bào quannoào dưới đây?

- A. lục lạp, ti thể và thể gôngi.
B. lục lạp, perôxixôm và ti thể.
C. ti thể, lục lạp và mạng lưới nội chất.
D. thể gôngi, ti thể và ribôxôm.

Câu 8: Khi để cây lúa trong điều kiện chiếu sáng có cường độ $100 \text{ calo/dm}^2/\text{giờ}$ thì thấy cây lúa không hấp thu và cũng không thải CO_2 . Giá trị cường độ ánh sáng trên là:

- A. điểm bù ánh sáng.
B. điểm no ánh sáng.
C. nhỏ hơn điểm bù ánh sáng.
D. lớn hơn điểm no ánh sáng.

Câu 9: Trong các ví dụ sau đây, ví dụ nào là diễn ra lên men ở cơ thể thực vật?

- A. Cây sống bám kí sinh hoặc kí sinh.
B. Cây bị khô hạn
C. Cây bị ngập úng.
D. Cây sống nơi ẩm ướt.

Câu 10: Cây trong vườn có cường độ thoát hơi nước qua cutin mạnh hơn cây trên đồi vì:

- I. Cây trong vườn được sống trong môi trường có nhiều nước hơn cây ở trên đồi.
II. Cây trên đồi có quá trình trao đổi chất diễn ra mạnh hơn.
III. Cây trong vườn có lớp cutin trên biểu bì lá mỏng hơn lớp cutin trên biểu bì lá của cây trên đồi.
IV. Lớp cutin mỏng hơn nên khả năng thoát hơi nước qua cutin mạnh hơn.

- A. I, III, IV
B. II, III, IV
C. I, II, IV
D. III, IV

Câu 11: Hậu quả khi bón liều lượng phân bón cao quá mức cần thiết cho cây:

- Gây độc hại đối với cây.
- Gây ô nhiễm nông phẩm và môi trường.
- Làm đất đai phì nhiêu nhưng cây không hấp thụ được hết.
- Dư lượng phân bón khoáng chất sẽ làm xấu lí tính của đất, giết chết các vi sinh vật có lợi.

- A. 1, 2.
B. 1, 2, 4.
C. 1, 2, 3, 4.
D. 1, 2, 3.

Câu 12: Các nguyên tố vi lượng cần cho cây với số lượng nhỏ, nhưng có vai trò quan trọng vì:

- A. chúng cần cho 1 số pha sinh trưởng. B. chúng được tích lũy trong hạt.
C. chúng có cấu trúc của tất cả bào quan. D. chúng tham gia vào hoạt động chính của các enzym.

Câu 13: Sản phẩm cuối cùng của hô hấp hiếu khí là :

- A. C_2H_5OH , CO_2 , ATP B. CO_2 , H_2O , ATP C. Axit Lactic, ATP D. C_2H_5OH , CO_2 .

Câu 14: Dịch mạch rây di chuyển như thế nào trong cây?

- A. Dịch mạch rây di chuyển từ tế bào quang hợp trong lá vào ống rây và từ ống rây này vào ống rây khác qua các lỗ trong bản rây.
B. Dịch mạch rây di chuyển trong mỗi ống rây, không di chuyển được sang ống rây khác.
C. Dịch mạch rây di chuyển từ dưới lên trên trong mỗi ống rây.
D. Dịch mạch rây di chuyển từ trên xuống trong mỗi ống rây.

Câu 15: Biện pháp tưới nước hợp lý cho cây, bao hàm tiêu chí:

- A. Phải tưới ngay sau khi phát hiện cây thiếu nước
B. Chất lượng nước cần được đảm bảo
C. Tưới đúng lúc, đúng lượng và đúng cách
D. Thường xuyên tưới, thừa còn hơn thiếu

Câu 16: Quá trình vận chuyển nước qua lớp tế bào sống của rễ và của lá xảy ra nhờ:

- A. Lực đẩy nước của áp suất rễ và lực hút của quá trình thoát hơi nước.
B. Sự tăng dần áp suất thẩm thấu từ tế bào lông hút đến lớp tế bào sát bó mạch gỗ của rễ và từ lớp tế bào sát bó mạch gỗ của gân lá.
C. Lực đẩy bên dưới của rễ, do áp suất rễ.
D. Lực hút của lá, do thoát hơi nước

Câu 17: Quá trình hấp thụ chủ động các ion khoáng, cần sự góp phần của yếu tố nào?

- I. Năng lượng là ATP
II. Tính thấm chọn lọc của màng sinh chất
III. Các bào quan là lưới nội chất và bộ máy Gôngi
IV. Enzim hoạt tải (chất mang)

- A. II, IV B. I, II, IV C. I, III, IV D. I, IV

Câu 18: Trong các loại vi khuẩn cố định nitơ khí quyển gồm: Azotobacter, Rhizobium, Clostridium, Anabaena. Loại vi khuẩn sống trong nốt sần các cây họ đậu:

IV. Đạm vô cơ có chứa các hoạt chất, kích thích cây sử dụng được ngay.

A. I, III, IV B. I, III C. I, II D. II, III, IV

Phần II: Tự luận

Câu 25: (1 điểm) Vì sao phải tách chiết sắc tố bằng dung môi hữu cơ?

Câu 26: (3 điểm) So sánh quá trình quang hợp ở thực vật C₄ và CAM

Đáp án

Phần I: Trắc nghiệm khách quan (6 điểm) mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
ĐA	B	C	A	D	C	B	B	A	C	A	B	D	B	A	C	A	D	B	A	D	B	D	C	B

Phần II: Tự luận

Câu 25: Vì các dung môi hữu cơ là môi trường hoà tan các chất hữu cơ trong đó có hoà tan sắc tố

Câu 26:

Giống nhau:

- Có pha sáng giống nhau
- Sản phẩm QH đầu tiên đều là AOA.
- Enzim chủ yếu là PEP cacboxilaza.
- Chất nhận CO₂ đầu tiên là: PEP
- đều có chu trình Canvin.
- Quang hô hấp rất yếu.

Khác nhau:

- Ở thực vật C₄ quá trình cố định CO₂ và tái cố định CO₂ đầu tiên diễn ra vào ban ngày nhưng khác nhau về vị trí có 2 loại tế bào quang hợp.
- Ở thực vật CAM thì cố định CO₂ diễn ra vào ban đêm lúc khí khổng mở, còn giai đoạn tái cố định CO₂ được thực hiện vào ban ngày lúc khí khổng đóng, chỉ có một loại tế bào quang hợp.

5. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 5

SỞ GD&ĐT VINH PHÚC
TRƯỜNG THPT HỒ XUÂN HƯƠNG

ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG LẦN II
Năm học 2019 - 2020
Môn: SINH HỌC 11

(Đề thi gồm 04 trang)

Thời gian làm bài: 50 phút

(không kể thời gian giao đề)

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)

Câu 81: Nước và các ion khoáng từ tế bào lông hút, trước khi vào mạch gỗ của rễ phải đi qua:

- A. Tế bào lông hút B. Tế bào nội bì. C. Tế bào biểu bì. D. Khí khổng.

Câu 82: Úp chuông thủy tinh trên các chậu cây (bắp, lúa, bầu, bí...). Sau một đêm, các giọt nước xuất hiện ở mép các phiến lá. Hiện tượng trên được gọi là gì ?

- A. Rỉ nhựa hoặc ứ giọt. B. Rỉ nhựa.
C. Ứ giọt. D. Trào nước.

Câu 83: Quá trình lên men và hô hấp hiếu khí có giai đoạn chung là:

- A. đường phân. B. chu trình crep.
C. tổng hợp Axetyl – CoA. D. chuỗi chuyển electron.

Câu 84: Cây không sử dụng được nitơ phân tử N_2 trong không khí vì

- A. phân tử N_2 có liên kết ba bền vững cần phải đủ điều kiện mới bẻ gãy được.
B. do lượng N_2 có sẵn trong đất từ các nguồn khác quá lớn.
C. lượng N_2 tự do bay lơ lửng trong không khí không hòa vào đất nên cây không hấp thụ được.
D. lượng N_2 trong không khí quá thấp.

Câu 85: Cho các phát biểu sau:

1. máu chảy trong động mạch luôn luôn là máu đỏ tươi và giàu oxi.
2. nhờ sự đàn hồi của thành động mạch mà huyết áp được duy trì tương đối ổn định trong suốt quá trình lưu thông trong cơ thể.
3. người lớn có chu kì tim ngắn hơn trẻ em.
4. hệ tuần hoàn hở chỉ thích hợp cho động vật có kích thước nhỏ.
5. tim của bò sát có 4 ngăn, máu vận chuyển trong cơ thể là máu không pha.
6. sau khi nín thở vài phút thì nhịp tim vẫn bình thường.

Có bao nhiêu phát biểu **không** đúng?

- A. 2 B. 1 C. 5 D. 4

Câu 86: Huyết áp là:

- A. Áp lực co bóp của tim tổng máu vào mạch tạo nên huyết áp của mạch.
B. Lực co bóp của tim tổng nhận máu từ tĩnh mạch tạo nên huyết áp của mạch.
C. Lực co bóp của tâm nhĩ tổng máu vào mạch tạo nên huyết áp của mạch.

D. Lực co bóp của tâm thất tổng máu vào mạch tạo nên huyết áp của mạch.

Câu 87: Vì sao ta có cảm giác khát nước?

- A. Do áp suất thẩm thấu trong máu giảm. B. Vì nồng độ glucôzơ trong máu giảm.
C. Do áp suất thẩm thấu trong máu tăng. D. Vì nồng độ glucôzơ trong máu tăng.

Câu 88: Quá trình hấp thụ bị động ion khoáng có đặc điểm:

1. Các ion khoáng đi từ môi trường đất có nồng độ cao, sang tế bào rễ có nồng độ thấp.
2. Nhờ có năng lượng và enzym, các ion cần thiết bị động đi ngược chiều nồng độ vào tế bào rễ.
3. Không cần tiêu tốn năng lượng.
4. Các ion cần thiết đi ngược chiều nồng độ nhờ có chất mang.

Phương án đúng là

- A. 1, 3. B. 1, 4. C. 2, 3. D. 2, 4.

Câu 89: Sự tiêu hoá ở dạ dày múi khế diễn ra như thế nào?

- A. Thức ăn được ợ lên miệng để nhai lại.
B. Thức ăn được trộn với nước bọt và được vi sinh vật phá vỡ thành tế bào và tiết ra enzym tiêu hoá xellulôzơ.
C. Hấp thụ bớt nước trong thức ăn.
D. Tiết pepsin và HCl để tiêu hoá prôtêin có ở vi sinh vật và cỏ.

Câu 90: Ứng động (Vận động cảm ứng) là:

- A. Hình thức phản ứng của cây trước nhiều tác nhân kích thích.
B. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích lúc có hướng, khi vô hướng.
C. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích không định hướng.
D. Hình thức phản ứng của cây trước tác nhân kích thích không ổn định.

Câu 91: Khi lấy chất khí tạo ra trong bình có hạt đang nảy mầm thổi vào nước vôi trong, ta thấy nước vôi trong thế nào ?

- A. Nước vôi trong ngã sang màu hồng. B. Nước vôi trong vẫn trong như ban đầu.
C. Nước vôi trong bị vẩn đục. D. Nước vôi trong ngã sang màu xanh da trời.

Câu 92: Vì sao ở người già, khi huyết áp cao dễ bị xuất huyết não?

- A. Vì mạch bị xơ cứng nên không co bóp được, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.
B. Vì mạch bị xơ cứng, máu bị ứ đọng, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

C. Vì mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, đặc biệt các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

D. Vì thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém đặc biệt là các mạch ở não, khi huyết áp cao dễ làm vỡ mạch.

Câu 93: Cây trên cạn bị ngập úng lâu sẽ chết vì:

1. Rễ cây thiếu ôxi, nên cây hô hấp không bình thường
2. Lông hút bị chết
3. Cân bằng nước trong cây bị phá hủy
4. Không hình thành được lông hút mới

Tổ hợp phương án đúng là

- A. 1, 3. B. 1, 2, 3, 4. C. 2, 4. D. 1, 2, 3.

Câu 94: Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi là:

- A. Cơ quan sinh sản
- B. Trung ương thần kinh hoặc tuyến nội tiết.
- C. Thụ thể hoặc cơ quan thụ cảm.
- D. Các cơ quan dinh dưỡng như: thận, gan, tim, mạch máu...

Câu 95: Khi bón phân cho cây trồng cần bón với liều lượng như thế nào?

- A. Liều lượng tối ưu.
- B. Liều lượng cao quá mức.
- C. bón ít để không lãng phí.
- D. Thích bón bao nhiêu cũng được tùy điều kiện gia đình.

Câu 96: Tiêu hóa nội bào là thức ăn được tiêu hóa :

- A. trong không bào tiêu hóa. B. trong túi tiêu hóa
- C. trong ống tiêu hóa. D. ngoài tế bào.

Câu 97: Sản phẩm nào của pha sáng **không** đi vào pha tối?

- A. ATP. B. ATP, NADPH. C. NADPH. D. O₂.

Câu 98: Động lực của dịch mạch rây là sự chênh lệch áp suất thẩm thấu giữa:

- A. Lá và rễ B. Giữa rễ và thân C. Giữa thân và lá D. Giữa cành và lá

Câu 99: Cho các hiện tượng sau:

1. Cây luôn vươn về phía có ánh sáng.
2. Rễ cây luôn mọc hướng đất và mọc vươn đến nguồn nước nguồn phân.
3. Cây trinh nữ xếp lá khi mặt trời lặn, xoè lá khi mặt trời mọc.

4. Rễ cây mọc tránh chất gây độc.

5. Vận động quán vòng của tua cuốn.

Hiện tượng nào thuộc tính hướng động.

A. 3, 5.

B. 3, 4, 5

C. 1, 2, 4.

D. 1, 2, 4, 5.

Câu 100: Hệ tuần hoàn kín là hệ tuần hoàn có:

A. Máu lưu thông liên tục trong mạch kín (từ tim qua động mạch, mao mạch, tĩnh mạch, và về tim)

B. Máu đến các cơ quan chậm nên không đáp ứng được nhu cầu trao đổi khí và trao đổi chất.

C. Tốc độ máu chảy chậm, máu đi được xa.

D. Máu chảy trong động mạch với áp lực thấp hoặc trung bình.

Câu 101: Các bộ phận tiêu hóa ở người vừa diễn ra tiêu hóa cơ học, vừa diễn ra tiêu hóa hóa học là:

A. miệng, dạ dày, ruột non

B. miệng, thực quản, dạ dày

C. thực quản, dạ dày, ruột non.

D. dạ dày, ruột non, ruột già

Câu 102: Một nhà Sinh học đã phát hiện ra rằng ở những thực vật bị đột biến không có khả năng hình thành chất tạo thành vòng đai Caspary thì những thực vật đó:

A. Có khả năng tạo áp suất coa ở rễ so với các cây khác.

B. Không có khả năng cố định Nito

C. Không có khả năng vận chuyển nước và các chất lên lá.

D. Không có khả năng kiểm tra lượng nước và các chất khoáng hấp thụ.

Câu 103: Các loại thân mềm và chân khớp sống trong nước có hình thức hô hấp như thế nào?

A. Hô hấp qua bề mặt cơ thể.

B. Hô hấp bằng mang.

C. Hô hấp bằng hệ thống ống khí.

D. Hô hấp bằng phổi.

Câu 104: Bào quan thực hiện quang hợp là:

A. lục lạp.

B. ti thể.

C. lá cây.

D. ribôxôm.

Câu 105: Đặt hạt đậu mới nảy mầm ở vị trí nằm ngang. Sau một thời gian, thân cây cong lên còn rễ cong xuống. Hiện tượng này được gọi là:

A. Thân cây và rễ cây đều có tính hướng đất âm.

B. Thân cây có tính hướng đất âm còn rễ cây có tính hướng đất dương.

C. Thân cây và rễ cây đều có tính hướng đất dương.

D. Thân cây có tính hướng đất dương còn rễ cây có tính hướng đất âm.

Câu 106: Ý nào dưới đây **không** đúng với đặc điểm của da giun đất thích ứng với sự trao đổi khí?

- A. Tỷ lệ giữa diện tích bề mặt cơ thể và thể tích cơ thể (s/v) khá lớn.
- B. Tỷ lệ giữa thể tích cơ thể và diện tích bề mặt cơ thể khá lớn.
- C. Dưới da có nhiều mao mạch và có sắc tố hô hấp.
- D. Da luôn ẩm giúp các khí dễ dàng khuếch tán qua.

Câu 107: Dạng nitơ nào cây có thể hấp thụ được?

- A. NO_2^- và N_2 .
- B. NO_2^- và NO_3^- .
- C. NO_2^- và NH_4^+ .
- D. NO_3^- và NH_4^+ .

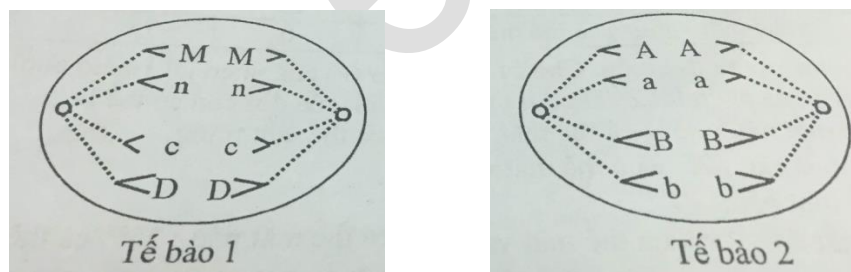
Câu 108: Vì sao ở lưỡng cư và bò sát trừ (cá sấu) có sự pha máu?

- A. Vì không có vách ngăn giữa tâm nhĩ và tâm thất.
- B. Vì tim chỉ có 3 ngăn hay 4 ngăn nhưng vách ngăn ở tâm thất không hoàn toàn.
- C. Vì chúng là động vật biến nhiệt.
- D. Vì tim chỉ có 2 ngăn.

Câu 109: Một gen có 1200 nuclêôtit, số nuclêôtit loại Adênin chiếm 10% tổng số nuclêôtit của gen, số nuclêôtit loại Xitôzin là

- A. 1080.
- B. 360.
- C. 240.
- D. 480.

Câu 110: Hình vẽ sau đây mô tả hai tế bào ở hai cơ thể lưỡng bội đang phân bào



Biết rằng không xảy ra đột biến; các chữ cái A, a, B, b, c, D, M, n kí hiệu cho các nhiễm sắc thể. Theo lí thuyết, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Khi kết thúc quá trình phân bào ở hai tế bào trên thì từ tế bào 1 tạo ra hai tế bào lưỡng bội, từ tế bào 2 tạo ra hai tế bào đơn bội
- B. Hai tế bào đều đang ở kì sau của nguyên phân
- C. Bộ nhiễm sắc thể của tế bào 1 là $2n = 4$, bộ nhiễm sắc thể của tế bào 2 là $2n = 8$
- D. Tế bào 1 đang ở kì sau của giảm phân II, tế bào 2 đang ở kì sau của nguyên phân

Câu 111: Một gen có chiều dài 4080Å và trên mạch thứ hai của gen có tỉ lệ

$A:T:G:X = 3:1:2:4$. Số nuclêôtit loại A của gen là

- A. 1440
- B. 960
- C. 480
- D. 720

Câu 112: Trong quá trình quang hợp, nếu cây đã sử dụng hết 36 phân tử nước (H_2O) sẽ tạo ra bao nhiêu phân tử ôxi (O_2)?

- A. 24. B. 36. C. 48. D. 18.

Câu 113: Xét các trường hợp dưới đây cho thấy trường hợp nào rễ cây hấp thụ ion K^+ cần phải tiêu tốn năng lượng ATP?

	Nồng độ ion K^+ ở rễ	Nồng độ ion K^+ ở đất
1	0,2%	0,5%
2	0,3%	0,1%
3	0,4%	0,6%
4	0,5%	0,2%

- A. 1,3. B. 3, 4. C. 2, 3. D. 2, 4

Câu 114: Tại sao trong môi trường đất mặn, cây chịu mặn như sù, vẹt, đước lại có thể lấy được nước?

- A. Do tính thấm có chọn lọc của màng sinh chất.
 B. Do các loài này có bộ phận đặc biệt ở rễ nhờ đó có thể lấy được nước.
 C. Do không bào của tế bào lông hút có áp suất thẩm thấu lớn hơn cả nồng độ dịch đất.
 D. Do màng tế bào rễ các loài này có cấu trúc phù hợp với khả năng lấy được nước ở môi trường đất có nồng độ cao hơn so với tế bào lông hút.

Câu 115: Một loài thực vật có bộ NST lưỡng bội là $2n = 24$. Một tế bào đang tiến hành quá trình phân bào nguyên phân, ở kì sau có số NST trong tế bào là

- A. 24 NST kép. B. 48 NST đơn. C. 24 NST đơn. D. 48 NST kép.

Câu 116: Nhịp tim của 1 em bé là 120 nhịp/phút. Căn cứ vào chu kì chuẩn của người, thời gian các pha trong 1 chu kì tim của em bé đó lần lượt là

- A. 0,25; 0,1875; 0,0625 B. 0,0625; 0,1875; 0,25
 C. 0,625; 0,1875; 0,25 D. 0,00625; 0,01875; 0,025

Câu 117: Một loài có bộ NST $2n = 16$, chu kì nguyên phân là 30 phút, kì trung gian xảy ra trong 10 phút, mỗi kì còn lại 5 phút. Bắt đầu kì trung gian lần nguyên phân thứ nhất, số NST môi trường cung cấp cho tế bào tại các thời điểm ngay sau 30 phút và sau 70 phút lần lượt là

- A. 16 và 48. B. 32 và 48. C. 48 và 112. D. 16 và 112.

Câu 118: Những điểm khác nhau cơ bản giữa ADN và ARN là

1. Số lượng mạch, số lượng đơn phân.

2. Cấu trúc của một đơn phân khác nhau ở đường, trong ADN có T không có U còn trong ARN thì ngược lại.

3. Liên kết xảy ra giữa H_3PO_4 với đường C_5 .

4. Về liên kết hidrô và nguyên tắc bổ sung giữa các cặp bazơ nitơ.

Phương án đúng là

A. 1, 3, 4.

B. 1, 4.

C. 2, 4.

D. 1, 2, 4.

Câu 119: Một gen dài 425 nm và có tổng số nuclêôtit loại A và nuclêôtit loại T chiếm 40% tổng số nuclêôtit của gen. Mạch 1 của gen có 220 nuclêôtit loại T và số nuclêôtit loại X chiếm 20% tổng số

nuclêôtit của mạch. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

I. Mạch 1 của gen có $G/X = 2/3$.

II. Mạch 2 của gen có $(A + X)/(T + G) = 53/72$.

III. Mạch 2 của gen có $G/T = 25/28$.

IV. Mạch 2 của gen có 20% số nuclêôtit loại X.

A. 3.

B. 1.

C. 2.

D. 4.

Câu 120: Sự đóng xoắn và tháo xoắn của các NST trong quá trình phân bào **không** có ý nghĩa nào?

A. thuận lợi cho sự tập hợp các NST tại mặt phẳng xích đạo của thoi vô sắc.

B. thuận lợi cho sự phân li của NST.

C. Thuận lợi cho sự đứt gãy của NST.

D. thuận lợi cho sự tự nhân đôi của NST.

ĐÁP ÁN

CÂU HỎI	Đ/A
81	B
82	C
83	A
84	A
85	C
86	A
87	C
88	A

89	D
90	C
91	C
92	C
93	B
94	B
95	A
96	A
97	D
98	A
99	C
100	A
101	A
102	D
103	B
104	A
105	B
106	B
107	D
108	B
109	D
110	D
111	C
112	D
113	D
114	C
115	B
116	B
117	D
118	D

- A. được nước bọt thủy phân thành các thành phần đơn giản.
- B. không được tiêu hóa nhưng được phá vỡ ra nhờ co bóp mạnh của dạ dày.
- C. được tiêu hóa nhờ vi sinh vật cộng sinh trong manh tràng và dạ dày.
- D. được tiêu hóa hóa học nhờ enzym tiết ra từ ống tiêu hóa.

Câu 87: Tính lượng phân bón $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ cần bón cho lúa để đạt năng suất 50 tạ/ha. Biết nhu cầu dinh dưỡng N ở lúa là 1,2kg N/ tạ, hệ số sử dụng N ở lúa chỉ đạt 60%, trong đất có khoảng 15kg N do vi sinh vật cố định ra, hàm lượng N trong phân bón $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ là 21%.

- A. 476,2 kg/ tạ.
- B. 404,8 kg/ tạ.
- C. 357,1 kg/ tạ.
- D. 461,2 kg/ tạ.

Câu 88: Sắc tố quang hợp nào không có ở thực vật bậc cao?

- A. Antoxian.
- B. Xantophin.
- C. Carotenoit.
- D. Phicobilin.

Câu 89: Những ngày nắng nóng, cá trong ao có hiện tượng “nổi đầu” là do

- A. nước ấm tạo cho cá hoạt động tốt.
- B. lượng oxy hòa tan ít lên cá phải ngoi lên mặt nước để thở.
- C. động vật nổi tập trung nhiều ở tầng mặt.
- D. thực vật phù du sinh sản mạnh là nguồn thức ăn phong phú của cá.

Câu 90: Nhóm động vật nào có cơ quan hô hấp khác hẳn các nhóm khác?

- A. Thú.
- B. Bò sát.
- C. Cá.
- D. Lưỡng cư.

Câu 91: Nguyên liệu cho pha tối của quang hợp là

- A. H_2O , ATP, NADPH, Ribulozo-diphosphat, các enzym.
- B. CO_2 , ATP, NADPH, Ribulozo-diphosphat, các enzym.
- C. CO_2 , ATP, H_2O , các enzym.
- D. CO_2 , NADPH, H_2O , Ribulozo-diphosphat.

Câu 92: Nơi nước và chất khoáng hòa tan phải đi qua trước khi vào mạch gỗ của rễ là

- A. khí khổng.
- B. tế bào biểu bì.
- C. tế bào nội bì.
- D. tế bào lông hút.

Câu 93: Tại sao tim hoạt động suốt đời không mệt mỏi?

- A. Tim làm việc theo bản năng.
- B. Tim hoạt động theo chu kỳ.
- C. Tim cấu tạo bằng cơ vân.
- D. Tim có tính tự động.

Câu 94: Những ứng động nào dưới đây là ứng động không sinh trưởng?

- A. Lá cây họ đậu xoè ra và khép lại, khí khổng đóng mở.
- B. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, khí khổng đóng mở.
- C. Sự cuộn lá của cây trinh nữ khi có va chạm, khí khổng đóng mở.
- D. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng.

Câu 95: Những nguyên nhân nào làm khí khổng đóng?

- (1) Cây bị hạn.
- (2) Hàm lượng AAB trong tế bào kích thích bơm ion hoạt động.
- (3) Kênh ion đóng.
- (4) Kênh ion mở, ion rút khỏi tế bào.

(5) Các tế bào giảm áp suất thẩm thấu giảm trương nước.

- A. 1,3, 4, 5. B. 1,2,3,4. C. 2, 3, 4, 5. D. 1, 2, 4, 5.

Câu 96: Vai trò của auxin trong vận động hướng sáng dương của thân non là

- A. auxin phân bố nhiều ở phía được chiếu sáng kích thích sự kéo dài tế bào.
- B. auxin phân bố nhiều ở phía ít ánh sáng kích thích sự kéo dài tế bào.
- C. auxin phân bố nhiều ở phía ít ánh sáng ức chế sự kéo dài tế bào.
- D. auxin kích thích sự phân chia tế bào.

Câu 97: Vai trò của photpho đối với cây xanh?

- A. Duy trì cân bằng ion, tham gia quá trình quang hợp.
- B. Thành phần của protein.
- C. Thành phần của diệp lục.
- D. Thành phần của axit nucleic, ATP, cần cho sự nở hoa đậu quả, phát triển rễ.

Câu 98: Các nguyên tố vi lượng thực vật chỉ cần với 1 lượng rất nhỏ vì

- A. các nguyên tố vi lượng có rất ít trong tự nhiên.
- B. các nguyên tố vi lượng không có vai trò cấu trúc tế bào mà chỉ có vai trò chủ yếu là hoạt hóa enzym trong quá trình trao đổi chất.
- C. các nguyên tố vi lượng có vai trò cấu trúc tế bào.
- D. các nguyên tố vi lượng không có vai trò quan trọng trong hoạt động trao đổi chất.

Câu 99: Vi khuẩn cộng sinh trong nốt sần rễ cây họ đậu là

- A. Azotobacter. B. Clostridium. C. Rhizobium. D. Anabaena arelleae.

Câu 100: Chuỗi truyền electron trong hô hấp nằm ở đâu trong tế bào?

- A. Trong tế bào chất.
- B. Trong khoang giữa 2 màng của ti thể.
- C. Trong chất nền của ti thể.
- D. Trên màng trong của ti thể.

Câu 101: Nguyên nhân nào gây nên dòng khí từ bên ngoài đi vào phổi khi động vật có vú hít thở bình thường?

- A. Giảm thể tích bên trong lồng ngực.

- B. Các xương sườn hạ xuống làm tăng thể tích lồng ngực.
- C. Cơ liên sườn ngoài giãn làm tăng thể tích lồng ngực.
- D. Cơ hoành co lại.

Câu 102: Trong hệ tuần hoàn kín, máu chỉ vận chuyển theo 1 chiều nhất định là do

- A. tim co bóp theo chu kì.
- B. thành mạch có các van.
- C. thành mạch có tính đàn hồi.
- D. ảnh hưởng của trọng lực.

Câu 103: Tại sao thức ăn của động vật ăn thực vật chứa hàm lượng protein ít nhưng chúng vẫn phát triển và hoạt động bình thường?

- (1) Khối lượng thức ăn hàng ngày lớn.
- (2) Vì có biến đổi sinh học với sự tham gia của hệ vi sinh vật.
- (3) Hệ vi sinh vật là nguồn bổ sung protein cho cơ thể.
- (4) Vì ruột rất dài.
- (5) Vì dạ dày 4 ngăn.

- A. 1, 2, 3.
- B. 2, 3, 5.
- C. 2, 4, 5.
- D. 1, 4, 5.

Câu 104: Cho các nhận định sau đây về tế bào:

- (1) Tế bào chỉ được sinh ra bằng cách phân chia tế bào.
- (2) Tế bào là nơi diễn ra mọi hoạt động sống.
- (3) Tế bào là đơn vị cấu tạo cơ bản của cơ thể sống.
- (4) Tế bào có khả năng trao đổi chất theo phương thức đồng hóa và dị hóa.
- (5) Tế bào có một hình thức phân chia duy nhất là nguyên phân.

Có bao nhiêu nhận định đúng trong các nhận định trên?

- A. 3
- B. 4
- C. 2
- D. 5

Câu 105: Ruột già ở người, ngoài chức năng chứa các chất cặn bã để thải ra ngoài còn có tác dụng

- A. chỉ để lưu giữ tạm thời các chất thải.
- B. hấp thu 1 số chất dinh dưỡng còn sót lại ở ruột non.
- C. tiêu hóa xenlulozo.
- D. tái hấp thu nước để cô đặc chất bã.

Câu 106: Trên một phân tử ADN có khối lượng 720000 đvC có số nucleotit loại Timin chiếm 30%, mạch thứ nhất có 200 nucleotit loại Adenin và 280 nucleotit loại Xitozin. Trong các nhận định sau, có bao nhiêu nhận định **sai**?

- (1) Tổng số nucleotit của cả ADN là 2400 nucleotit.
 (2) Phân tử đó có 120 chu kì xoắn.
 (3) Số liên kết hidro của phân tử đó là 2800 liên kết.
 (4) Số nucleotit các loại trên mạch thứ hai là: A = 520; T=200; G= 280; X = 200.

A. 2. B. 3. C. 4. D. 1.

Câu 107: Trật tự di chuyển thức ăn trong ống tiêu hóa của người là

- A. cổ họng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.
 B. thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già, cổ họng.
 C. thực quản, cổ họng, dạ dày, ruột già, ruột non.
 D. cổ họng, dạ dày, thực quản, ruột non, ruột già.

Câu 108: Ở gà có bộ NST $2n=78$. Một tế bào sinh dục đực sơ khai nguyên phân liên tiếp một số lần, tất cả các tế bào con tạo thành đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Tổng số NST đơn trong tất cả các giao tử là 19968. Tế bào sinh dục sơ khai đó đã nguyên phân với số lần là

A. 5. B. 7. C. 4. D. 6.

Câu 109: Loài ăn cỏ nào sau đây có dạ dày đơn?

- A. Trâu, bò. B. Hươu, nai. C. Dê, cừu. D. Thỏ, ngựa.

Câu 110: Quá trình biến đổi thức ăn thành chất dinh dưỡng đơn giản nhất để có thể hấp thụ là

- A. tiêu hóa cơ học. B. tiêu hóa lí học. C. tiêu hóa hóa học. D. đồng hóa.

Câu 111: Quá trình hấp thụ nước và các chất khoáng liên quan chặt chẽ với

- A. quá trình hô hấp của rễ. B. quá trình quang hợp.
 C. các chất điều hòa sinh trưởng. D. vận động cảm ứng ở thực vật.

Câu 112: Sự hút khoáng thụ động của tế bào phụ thuộc vào

- A. cung cấp năng lượng. B. hoạt động trao đổi chất.
 C. hoạt động thẩm thấu. D. chênh lệch nồng độ ion.

Câu 113: Xác định câu **sai**

- A. Chiều dài của cột nước phụ thuộc vào chiều dài của thân cây.
 B. Quá trình vận chuyển nước trong cây được thực hiện nhờ lực hút của lá và áp suất rễ.
 C. Nước được vận chuyển trong thân chủ yếu theo chiều từ trên xuống ở mạch rây.
 D. Nước được vận chuyển trong thân theo mạch gỗ từ rễ lên lá.

Câu 114: Thứ tự các loài động vật nào sau đây phản ánh sự tăng dần nhịp tim của chúng?

- A. Trâu, lợn, voi, mèo, chuột. B. Voi, trâu, lợn, mèo, chuột.
 C. Chuột, mèo, lợn, trâu, voi. D. Trâu, lợn, mèo, voi, chuột.

Câu 115: Một loài thực vật có bộ NST lưỡng bội là $2n = 24$. Một tế bào đang tiến hành quá trình phân bào nguyên phân, ở kì sau có số NST trong tế bào là

- A. 24 NST kép. B. 24 NST đơn. C. 48 NST đơn. D. 48 NST kép.

Câu 116: Ôxi từ phổi được vận chuyển đến tế bào bằng cách

- A. hòa tan trong máu. B. liên kết với các ion khoáng.
C. hòa tan trong dung dịch nước mô. D. liên kết với các sắc tố hô hấp.

Câu 117: Hệ đệm tối ưu trong điều hòa pH máu là

- A. Photphat. B. Bicacbonat.
C. Protein. D. Bicacbonat và photphat.

Câu 118: Hoạt động nào sau đây tạo CO_2 ?

- A. Chu trình Crep. B. Đường phân.
C. Pha sáng quang hợp. D. Chuỗi chuyền e trong hô hấp.

Câu 119: Các chất đệm trong môi trường trong là những chất

- A. không có vai trò đối với các quá trình sinh lí.
B. duy trì độ quán tính (nhớt) của máu.
C. có khả năng điều hòa áp suất thẩm thấu.
D. có khả năng trung hòa ion H^+ hay OH^- của môi trường trong.

Câu 120: Quá trình oxi hóa ribuloso-diphosphat đến CO_2 theo trình tự

- A. RiDP \rightarrow axit glicolic \rightarrow axit glioxilic \rightarrow glixin \rightarrow Serin + CO_2 .
B. RiDP \rightarrow axit glioxilic \rightarrow axit glicolic \rightarrow Serin \rightarrow glixin + CO_2 .
C. RiDP \rightarrow glixin \rightarrow axit glicolic \rightarrow axit glioxilic \rightarrow Serin + CO_2 .
D. RiDP \rightarrow axit glioxilic \rightarrow glixin \rightarrow axit glicolic \rightarrow Serin + CO_2

ĐÁP ÁN

CÂU	Đ/A
81	D
82	C
83	C
84	B
85	B
86	C
87	B

88	D
89	B
90	C
91	B
92	C
93	B
94	C
95	D
96	B
97	D
98	B
99	C
100	D
101	D
102	B
103	A
104	B
105	D
106	D
107	A
108	B
109	D
110	C
111	A
112	D
113	C
114	B
115	C
116	D
117	C

118	A
119	D
120	A

7. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 7

SỞ GD&ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT NGỌC TẢO

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 NĂM HỌC 2019 - 2020

MÔN: SINH HỌC - LỚP 11

Thời gian làm bài: 45 phút

A. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sự hấp thụ nước ở tế bào lông hút được thực hiện theo cơ chế:

- A. Thụ động
- B. Chủ động không tiêu tốn năng lượng
- C. Chủ động có tiêu tốn năng lượng
- D. Cả A và B.

Câu 2: Vai trò nào sau đây không thuộc của quá trình thoát hơi nước?

- A. Là động lực phía trên của quá trình hút và vận chuyển nước.
- B. Tránh sự đốt nóng lá cây bởi ánh sáng mặt trời.
- C. Kích thích quá trình quang hợp và hô hấp diễn ra với tốc độ bình thường.
- D. Giúp cây hấp thụ CO_2 và giải phóng ôxi.

Câu 3: Cắt cây thân thảo (bầu, bí, cà chua...) ở gần gốc, sau vài phút thấy những giọt nhựa rỉ ra ở phần thân bị cắt. Hiện tượng này gọi là:

- A. Ứ giọt
- B. Rỉ nhựa
- C. Trào nước
- D. Rỉ nhựa hoặc ứ giọt

Câu 4: Chất không phải là sản phẩm của pha sáng là:

- A. Ôxi.
- B. ATP
- C. Đường $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$
- D. NADPH

Câu 5: Thực vật hấp thụ nitơ dưới dạng nào?

- A. Nitơ phân tử
- B. NH_4^+ , NO_3^-
- C. NH_4^+ , NO_3^-
- D. NH_4 , NO_3

Câu 6: Sản phẩm ổn định đầu tiên trong quá trình cố định CO_2 ở thực vật C3 là:

- A. Axit photpho glixêric
- B. Photpho enol piruvat

C. Ribulozơ 1-5 diphôphat D. Axit oxalo axêtic

Câu 7: Cường độ thoát hơi nước được điều chỉnh chủ bởi

- A. Cơ chế khuếch tán hơi nước qua lớp cutin.
- B. Cơ chế cân bằng nước.
- C. Cơ chế khuếch tán hơi nước từ bề mặt lá ra không khí xung quanh
- D. Cơ chế đóng, mở khí khổng.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi nồng độ ôxi trong đất giảm thì khả năng hút nước của cây giảm
- B. Khi sự chênh lệch giữa nồng độ dung dịch đất và dịch của tế bào rễ thấp thì khả năng hút nước của cây sẽ cao
- C. Khả năng hút nước của cây ở rễ không phụ thuộc vào sự thoát hơi nước ở lá.
- D. Bón phân càng nhiều cây sinh trưởng càng tốt.

Câu 9: Kết luận nào dưới đây không đúng?

- A. Pha tối trong quá trình quang hợp ở thực vật CAM chỉ diễn ra ở lục lạp của một loại tế bào.
- B. Ở thực vật CAM, quá trình cố định CO_2 từ môi trường xảy ra vào ban đêm, quá trình tổng hợp đường xảy ra vào ban ngày.
- C. Pha tối trong quá trình quang hợp ở thực vật C4 diễn ra ở lục lạp của hai loại tế bào.
- D. Trong các con đường cố định CO_2 , hiệu quả quang hợp ở các nhóm thực vật được xếp theo thứ tự $C3 > C4 > CAM$

Câu 10: Xác động vật và thực vật phải trải qua quá trình biến đổi nào cây mới có thể sử dụng được nguồn nitơ?

- A. Quá trình nitrat hoá và phản nitrat hoá.
- B. Quá trình nitrat hoá và amôn hoá
- C. Quá trình amôn hoá và hình thành axit amin.
- D. Quá trình cố định ni tơ

II. Phần tự luận

Câu 1. Trình bày sự giống và khác nhau trong quá trình quang hợp ở thực vật C3 và C4?

Câu 2. Bón phân hợp lý có tác dụng gì đối với năng suất cây trồng và bảo vệ môi trường?

ĐÁP ÁN

A. Trắc nghiệm

1. A	3. B	5. C	7. D	9. D
------	------	------	------	------

Câu 3: Nước đi vào mạch gỗ theo con đường gian bào đến nội bì thì chuyển sang con đường tế bào chất vì

- A. Nội bì có đai caspari không thấm nước nên nước không thấm qua được.
- B. Tế bào nội bì không thấm nước nên nước không vận chuyển qua được.
- C. Áp suất thẩm thấu của tế bào nội bì thấp nên nước phải di chuyển sang con đường khác.
- D. Nội bì có đai caspari thấm nước nên nước vận chuyển qua được.

Câu 4: Trong hoạt động hô hấp tế bào thực vật, nước được tạo ra từ giai đoạn nào sau đây?

- A. Chuỗi truyền electron hô hấp
- B. Chu trình Crep
- C. Đường phân
- D. Lên men

Câu 5: Sự biểu hiện triệu chứng thiếu photpho của cây là:

- A. Lá màu vàng nhạt, mép lá màu đỏ và có nhiều chấm đỏ trên mặt lá.
- B. Lá nhỏ có màu lục đậm, màu của thân không bình thường, sinh trưởng dễ bị tiêu giảm.
- C. Lá mới có màu vàng, sinh trưởng dễ bị tiêu giảm.
- D. Sinh trưởng bị còi cọc, lá có màu vàng.

Câu 6: Câu nào là đúng khi nói về cấu tạo mạch rây?

- A. Gồm các tế bào sống là ống rây và tế bào kèm.
- B. Gồm các tế bào sống là quản bào và mạch ống.
- C. Gồm các tế bào chết là quản bào và mạch ống.
- D. Gồm các tế bào chết là mạch ống và tế bào kèm.

Câu 7: Lượng nước cây hấp thụ vào bị mất đi qua con đường thoát hơi nước chiếm khoảng:

- A. 95%
- B. 10%
- C. 98%
- D. 20%.

Câu 8: Con đường thoát hơi nước qua bề mặt lá (qua cutin) có đặc điểm là:

- A. Vận tốc nhỏ, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- B. Vận tốc lớn, không được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.
- C. Vận tốc nhỏ, không được điều chỉnh.
- D. Vận tốc lớn, được điều chỉnh bằng việc đóng, mở khí khổng.

Câu 9: Quá trình quang hợp của thực vật C_3 , C_4 và CAM có điểm giống nhau là:

- A. Chất nhận CO_2 đầu tiên là RiDP (ribulôzơ - 1,5- điphôphat).
- B. Có chu trình Calvin
- C. Sản phẩm đầu tiên là APG (axit photphoglixêric).
- D. Diễn ra trên cùng một loại tế bào.

Câu 10: Loại vi khuẩn nào chuyển đạm nitrát thành N_2 ?

Câu 17: Nguyên tố Magiê là thành phần cấu tạo của

- A. Diệp lục.** **B. Prôtêin.** **C. Màng của lục lạp.** **D. Axit nuclêic.**

Câu 18: Phương trình tổng quát của quá trình hô hấp là:

- A.** $C_6H_{12}O_6 + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + Q$ (năng lượng).
B. $C_6H_{12}O_6 + O_2 \rightarrow 12CO_2 + 12H_2O + Q$ (năng lượng).
C. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6CO_2 + 6H_2O + Q$ (năng lượng).
D. $C_6H_{12}O_6 + 6O_2 \rightarrow 6CO_2 + 6H_2O$.

Câu 19: Sản phẩm đầu tiên của chu trình Calvin là:

- A.** ATP, NADPH. **B. APG (axit phôtphoglixêric).**
C. ALPG (an đêhit phôtphoglixêric). **D.** RiDP(ribulôzơ - 1,5- điphôtphat).

Câu 20: Pha tối diễn ra ở vị trí nào trong lục lạp?

- A.** Ở màng ngoài. **B.** Ở màng trong. **C. Ở chất nền.** **D.** Ở tilacôit.

Câu 21: Trong quá trình hô hấp hiếu khí giai đoạn nào tạo ra nhiều ATP nhất :

- A.** Chu trình Crep. **B.** Đường phân.
C. Chuỗi truyền electron hô hấp **D.** Lên men.

Câu 22: Cách nhận biết rõ rệt nhất thời điểm cần bón phân là:

- A. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của lá cây.**
B. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của hoa.
C. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của thân cây.
D. Căn cứ vào dấu hiệu bên ngoài của quả mới ra.

Câu 23: Trong tế bào các a xít piruvic được ôxi hoá để tạo thành chất (A). Chất (A) sau đó đi vào chu trình Crep. Chất (A) là:

- A.** axit lactic **B.** Glucôzơ **C.** axit axêtic **D. Axêtyl-CoA**

Câu 24: Thực vật C4 được phân bố như thế nào?

- A. Sống ở vùng nhiệt đới.**
B. Chỉ sống ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
C. Phân bố rộng rãi trên thế giới, chủ yếu ở vùng ôn đới và á nhiệt đới.
D. Sống ở vùng sa mạc.

Câu 25: Năng suất kinh tế là:

- A.** Toàn bộ năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loài cây.
B. 2/3 năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan chứa các sản phẩm có giá trị kinh

tế đối với con người của từng loài cây.

C. 1/2 năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loài cây.

D. Một phần của năng suất sinh học được tích lũy trong các cơ quan chứa các sản phẩm có giá trị kinh tế đối với con người của từng loài cây.

Câu 26: Dạng nitơ nào cây có thể hấp thu được?

- A.** NO_2 và NH_4^+ **B.** NO_3^- và NH_4^+ **C.** NO_2^- và N_2 **D.** NO_2 và NO_3^-

Câu 27: Hô hấp ánh sáng xảy ra:

- A.** Ở thực vật C_4 . **B.** Ở thực vật CAM.
C. Ở thực vật C_3 **D.** Ở tất cả các loài thực vật

Câu 28: Quang hợp quyết định bao nhiêu phần trăm năng suất của cây trồng?

- A.** Quang hợp quyết định 90 – 95% năng suất của cây trồng.
B. Quang hợp quyết định 60 – 65% năng suất của cây trồng.
C. Quang hợp quyết định 70 – 75% năng suất của cây trồng.
D. Quang hợp quyết định 80 – 85% năng suất của cây trồng.

Câu 29: Đặc điểm cấu tạo của tế bào lông hút ở rễ cây là:

- A.** Thành tế bào mỏng, có thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
B. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm nhỏ.
C. Thành tế bào dày, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.
D. Thành tế bào mỏng, không thấm cutin, chỉ có một không bào trung tâm lớn.

Câu 30: Nguyên tố nào sau đây là nguyên tố vi lượng?

- A.** Photpho **B.** Sắt **C.** Canxi **D.** Lưu huỳnh

Câu 31: Câu nào là sai?

- A.** Bón phân hợp lí là phải đúng loại, vừa đủ, đúng nhu cầu của cây.
B. Phân bón cho cây chỉ có thể bón qua rễ
C. NO_2 , NO là chất độc hại cho cây.
D. Khí N_2 cây trồng không hấp thụ trực tiếp được

Câu 32: Sản phẩm của sự phân giải kỵ khí (lên men) từ axit piruvic là:

- A.** Rượu êtylic + Năng lượng. **B.** Axit lactic + CO_2 + Năng lượng.
C. Rượu êtylic + CO_2 + Năng lượng. **D.** Rượu êtylic + CO_2 .

Câu 33: Câu nào không đúng khi nói về nguyên tố dinh dưỡng thiết yếu trong cây?

- A.** Thiếu nguyên tố dinh dưỡng thiết yếu cây không hoàn thành được chu kỳ sống.

- B. Chỉ gồm những nguyên tố đại lượng: C, H, O, N, P, K, S, Ca, Mg.
C. Không thể thay thế được bởi bất kì nguyên tố nào.
D. Phải tham gia trực tiếp vào quá trình chuyển hoá vật chất trong cơ thể.

9. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 9

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HK1

MÔN: SINH HỌC

NĂM: 2019-2020

Thời gian: 45 phút

A. Trắc nghiệm: Hãy khoanh vào đáp án đúng:

Câu 1: Tiêu hóa nội bào là quá trình phân hủy thức ăn xảy ra trong:

- A. Tế bào.
- B. Trong túi tiêu hóa.
- C. Ống tiêu hóa.
- D. Cơ thể.

Câu 2: Sự thông khí ở phổi của bò sát, chim và thú chủ yếu nhờ:

- A. Sự vận động của toàn bộ hệ cơ.
- B. Sự vận động của các chi.
- C. Sự nâng lên và hạ xuống của thềm miệng.
- D. Các cơ quan hô hấp làm thay đổi thể tích lồng ngực hoặc khoang bụng.

Câu 3: Người già bị huyết áp cao dễ bị xuất huyết não vì:

- A. Mạch bị xơ cứng, tính đàn hồi kém, nhất là mạch ở não.
- B. Tính đàn hồi của thành mạch kém, dễ xuất hiện những cục máu đông gây tắc mạch.
- C. Thành mạch dày lên, tính đàn hồi kém nên dễ bị đứt mạch
- D. Mạch bị xơ cứng, khó co bóp, nên khí áp lực máu trong thành mạch tăng dễ làm đứt mạch

Câu 4: Sai khác chủ yếu giữa động vật biến nhiệt và động vật hằng nhiệt là:

- A. Khả năng sống trong môi trường nóng hoặc lạnh.
- B. Môi trường sống trên cạn hoặc dưới nước
- C. Khả năng chịu nóng hay chịu lạnh.
- D. Khả năng điều hòa thân nhiệt khi nhiệt độ môi trường thay đổi

Câu 5: Ở người, thời gian mỗi chu kỳ hoạt động của tim trung bình là:

- A. 0,1 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,5

giây.

B. 0,8 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,3 giây, thời gian dẫn chung là 0,4 giây.

C. 0,12 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,2 giây, tâm thất co 0,4 giây, thời gian dẫn chung là 0,6 giây.

D. 0,6 giây, trong đó tâm nhĩ co 0,1 giây, tâm thất co 0,2 giây, thời gian dẫn chung là 0,6 giây.

Câu 6: Vì sao ta có cảm giác khát nước?

A. Do áp suất thẩm thấu trong máu giảm.

B. Vì nồng độ glucôzơ trong máu tăng.

C. Do áp suất thẩm thấu trong máu tăng.

D. Vì nồng độ glucôzơ trong máu giảm

Câu 7: Ống tiêu hóa của ăn thực vật dài hơn ống tiêu hóa của thú ăn thịt vì:

A. Thức ăn thực vật nghèo chất dinh dưỡng, khó tiêu hóa và hấp thụ.

B. Thức ăn thực vật nghèo năng lượng, động vật phải ăn nhiều nên ruột dài.

C. Thức ăn thực vật ít axit amin, vitamin, động vật phải ăn nhiều nên ruột dài

D. Thức ăn thịt giàu chất dinh dưỡng dễ tiêu hóa và hấp thụ.

Câu 8: Các kiểu hướng động âm của rễ là:

A. Hướng nước, hướng hóa.

B. Hướng sáng, hướng nước.

C. Hướng sáng, hướng hóa.

D. Hướng đất, hướng sáng.

Câu 9: Mao mạch là mạch máu rất nhỏ nối động mạch với tĩnh mạch

A. Và là nơi thu hồi sản phẩm trao đổi chất giữa máu và tế bào.

B. Và là nơi trao đổi khí O_2 và CO_2 giữa máu và tế bào.

C. Giúp máu được đưa đến từng tế bào của cơ thể.

D. Và là nơi trao đổi chất giữa máu và tế bào.

Câu 10: Điểm khác nhau giữa hệ tuần hoàn người và hệ tuần hoàn cá là:

A. Hệ mạch của người có động mạch tĩnh mạch và mao mạch, hệ mạch của cá có cấu tạo đơn giản.

B. Tim người có tâm nhĩ và tâm thất, tim cá có 2 ngăn.

- C. Người có 2 vòng tuần hoàn, cá chỉ có 1 vòng tuần hoàn.
- D. Người có vòng tuần hoàn kín, cá có vòng tuần hoàn hở.

Câu 11: Tim 4 ngăn và 2 vòng tuần hoàn có ở:

- A. Bò sát, chim, thú.
- B. Chim và thú.
- C. Thú.
- D. Động vật có xương sống.

Câu 12: Khi cá thở ra, diễn biến nào sau đây đúng?

- A. Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang đóng.
- B. Cửa miệng đóng, thềm miệng nâng lên, nắp mang mở.
- C. Cửa miệng đóng, thềm miệng hạ xuống, nắp mang đóng.
- D. Cửa miệng đóng, thềm miệng hạ xuống, nắp mang mở.

Câu 13: Hiệu quả trao đổi khí của động vật liên quan đến:

- A. Bề mặt trao đổi khí rộng.
- B. Bề mặt trao đổi khí có nhiều mao mạch và máu có sắc tố
- C. Các đặc điểm của bề mặt trao đổi khí.
- D. Bề mặt trao đổi khí mỏng và ẩm.

Câu 14: Trong túi tiêu hóa, thức ăn sau khi tiêu hóa ngoại bào lại được tiếp tục tiêu hóa nội bào vì:

- A. Túi tiêu hóa chỉ có 1 lỗ thông ra bên ngoài
- B. Thức ăn chưa phân hủy hoàn toàn thành dạng đơn giản hấp thụ được.
- C. Thức ăn chưa được tiêu hóa hóa học.
- D. Tế bào thành túi tiết Enzim vào trong túi để tiêu hóa thức ăn.

Câu 15: Động vật nào sau đây vừa hô hấp qua da vừa hô hấp qua phổi?

- A. Giun, bò sát.
- B. Chim, thú.
- C. Tôm, cua.
- D.Ếch, nhái.

Câu 16: Huyết áp cao nhất trong (1) và máu chảy chậm nhất trong (2)

- A. (1) Động mạch – (2) Mao mạch.
- B. (1) Tĩnh mạch – (2) Động mạch.
- C. (1) Tĩnh mạch – (2) Mao mạch.

D. (1) Động mạch – (2) Tĩnh mạch.

Câu 17: Ống tiêu hóa của người và động vật được phân hóa thành nhiều bộ phận có tác dụng:

- A. Sự chuyển hóa về chức năng giúp quá trình tiêu hóa đạt hiệu quả cao.
- B. Làm nhỏ thức ăn.
- C. Làm tăng hiệu quả của tiêu hóa cơ học.
- D. Làm tăng diện tích tác dụng của Enzim lên thức ăn.

Câu 18: Những ứng động nào sau đây là ứng động sinh trưởng?

- A. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, hiện tượng thức ngủ của chồi cây bàng.
- B. Hoa mười giờ nở vào buổi sáng, khí khổng đóng mở.
- C. Sự đóng mở của lá cây trinh nữ, khí khổng đóng mở.
- D. Lá cây họ đậu xòe ra và khép lại, khí khổng đóng mở.

Câu 19: Nội dung nào sau đây không đúng với tiêu hóa nội bào?

- A. Thức ăn được tiêu hóa trong không bào tiêu hóa.
- B. Thức ăn được tiêu hóa hóa học nhờ Enzim do Lizôxôm tiết ra.
- C. Sự tiêu hóa xảy ra trong tế bào.
- D. Thức ăn được tiêu hóa cơ học.

Câu 20: Đối với sự duy trì ổn định pH máu, vai trò chủ yếu không thuộc về:

- A. Phổi thải CO_2 .
- B. Thận thải H^+ ; HCO_3^- ...
- C. Phổi hấp thu ôxi.
- D. Hệ thống đệm trong máu.

Câu 21: Hoocmôn glucagon có vai trò:

- A. Tác động lên thành mạch máu, chuyển Glucôzơ thành Glicôgen dự trữ.
- B. Tác động lên gan, phân giải Glucôgen thành Glucôzơ đưa vào máu
- C. Tác động lên tế bào, làm giảm ôxi hóa Glucôzơ ở tế bào.
- D. Tác động lên gan, chuyển Glucôzơ thành Glicôgen dự trữ.

Câu 22: Bộ phận điều khiển trong cơ chế duy trì cân bằng nội môi có chức năng:

- A. Làm tăng hay giảm hoạt động trong cơ thể để đưa môi trường về trạng thái cân bằng và ổn định.
- B. Điều khiển hoạt động của các cơ quan bằng cách gửi đi các tín hiệu thần kinh hoặc hoocmôn.

C. Tiếp nhận kích thích từ môi trường và hình thành xung thần kinh.

D. Làm biến đổi điều kiện lí hóa của môi trường trong cơ thể.

Câu 23: Trong ống tiêu hóa của thú ăn thực vật, thành xenlulôzơ của tế bào thực vật:

A. Được tiêu hóa nhờ các enzym tiết ra từ ống tiêu hóa.

B. Được enzym trong tuyến nước bọt phân hủy thành các chất đơn giản.

C. Được tiêu hóa nhờ vi sinh vật sống cộng sinh trong manh tràng và dạ dày.

D. Không được tiêu hóa nhưng được phá vỡ nhờ co bóp mạnh của dạ dày.

Câu 24: Cân bằng nội môi thể hiện ở:

A. Phổi và ruột non đều có bề mặt trao đổi rộng.

B. Kích thích mọi tế bào trong cơ thể đều như nhau.

C. Khi nồng độ muối trong máu tăng, thận thải ra nhiều muối hơn.

D. Khi lượng ôxi trong máu giảm, ta có cảm giác mệt mỏi.

II. Phân tự luận

1. Macximop – Nhà Sinh lí thực vật người Nga đã viết: “Thoát hơi nước là tai họa tất yếu của cây” Em hãy giải thích câu nói trên?

2. Đường đi của máu trong hệ tuần hoàn kép của thú?

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM

1	2	3	4	5
A	D	A	D	B
6	7	8	9	10
C	A	C	D	C
11	12	13	14	15
B	B	C	B	D
16	17	18	19	20
A	A	A	D	D
21	22	23	24	

B	B	C	C	
---	---	---	---	--

B. TỰ LUẬN

Câu 1:

- Vai trò của thoát hơi nước:

+ Thoát hơi nước qua khí khổng, mở khí khổng, lấy CO₂ cung cấp cho quang hợp.

+ Nếu khí khổng đóng thì quang hợp ngừng vì thiếu CO₂.

+ Thoát hơi nước giúp giảm nhiệt độ bề mặt lá, giúp cây tránh bị đốt nóng để các quá trình sinh lí diễn ra bình thường.

+ Thoát hơi nước còn giúp cô đặc chất tổng hợp, tạo sự thiếu hụt (sự chênh lệch về thế nước) thúc đẩy các quá trình sinh lí diễn ra nhanh.

- “Thoát hơi nước là tai họa tất yếu của cây” vì:

+ Ta có thể hình dung nhu cầu nước của cây như sau: nước lấy vào thì đến 990g thoát ra ngoài qua bay hơi còn được giữ lại trong đó chỉ có 1-2g dùng để tổng hợp chất khô còn 8-9g không dùng tổng hợp chất khô.

“Tai họa” vì trong suốt quá trình sinh trưởng, phát triển của cây phải mất đi một lượng nước quá lớn như vậy nó cần phải hấp thu một lượng nước lớn hơn. Điều này không dễ dàng gì trong môi trường luôn luôn biến đổi. Khi thiếu nước trong đất hay hạn hán thì thoát hơi nước là một thảm họa.

“Tất yếu” là vì thực vật cần phải thoát nước mới lấy được nước. Cây thoát ra hơi nước tạo động lực trên để hút nước và muối khoáng, là động lực trên của quá trình hút nước và trao đổi nước và các ion khoáng; vận chuyển, phân phối. nước và các ion khoáng trong cây.

Câu 2:

- Vì hệ tuần hoàn có 2 vòng:

+ Vòng tuần hoàn lớn: Máu giàu O₂ được tim bơm vào động mạch chủ vào các động mạch nhỏ hơn và đến mao mạch ở các cơ quan, bộ phận để thực hiện trao đổi chất và trao đổi khí. Sau đó, máu giàu CO₂ đi theo tĩnh mạch về tim.

+ Vòng tuần hoàn nhỏ: Máu giàu CO₂ được tim bơm lên phổi trao đổi khí và trở thành máu giàu O₂ quay trở lại tim.

+ Do có 2 vòng tuần hoàn lớn và nhỏ nên hệ tuần hoàn của lưỡng cư, bò sát, chim và thú được gọi là hệ tuần hoàn kép.

10. Đề kiểm tra 1 tiết HK1 Sinh 11 số 10

SỞ GD VÀ ĐT KON TUM ĐỀ KIỂM TRA MỘT TIẾT HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2019-2020**TRƯỜNG THPT****MÔN: SINH HỌC - LỚP: 11****Thời gian: 45 phút (không kể thời gian phát đề)**

Câu 1: Cho một số nhận định sau

- (1) Phần lớn tập tính bẩm sinh mang tính bản năng, thường khởi đầu là một kích thích từ môi trường ngoài.
- (2) Mỗi loài có tập tính sinh sản riêng.
- (3) Công đực xòe chiếc đuôi đẹp và nhảy múa quanh công cái là một ví dụ về tập tính sinh sản.
- (4) Gồm các loại là tập tính thứ bậc và tập tính vị tha.

Có bao nhiêu **sai** về tập tính sinh sản?

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 2: Cho các nhận định sau

- (1) Có hai kiểu phát triển là phát triển không qua biến thái và qua biến thái
- (2) Biến thái là hiện tượng xảy ra ở giai đoạn hậu phôi
- (3) Muỗi, bọ ngựa, ếch có kiểu phát triển qua biến thái hoàn toàn
- (4) Phát triển ở mỗi động vật đều gồm 2 giai đoạn: Phôi thai và sau sinh
- (5) Trong kiểu phát triển không qua biến thái, con non có đặc điểm hình thái, cấu tạo và sinh lý tương tự con trưởng thành

Số nhận định đúng về quá trình phát triển ở động vật là:

- A. 1 B. 4 C. 3 D. 2

Câu 3: Quan sát hình ảnh bên cho biết có bao nhiêu thông tin nào sau đây là chính xác?

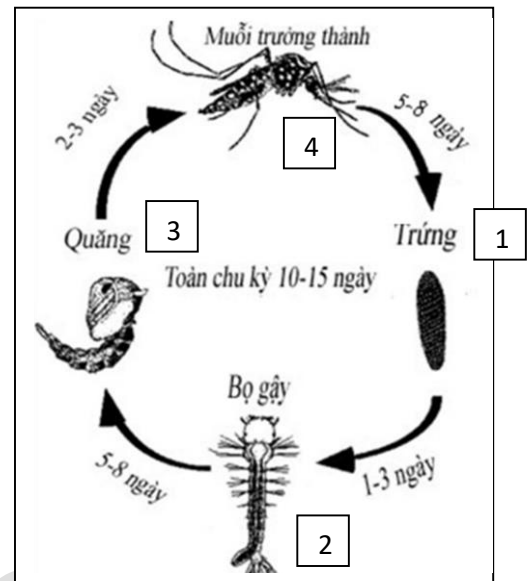
(1) Đây là vòng đời của sinh vật có kiểu phát triển qua biến thái hoàn toàn

(2) Giai đoạn 1, 2 sống trong môi trường nước, giai đoạn 3, 4 sống trên cạn

(3) Đặc điểm sinh lý của sinh vật ở giai đoạn 2,4 là tương tự nhau

(4) Muốn hạn chế tối đa tác hại do sinh vật này phải diệt sinh vật này ở giai đoạn 4

A. 2 B. 3 C. 4 D. 1



Câu 4: Tập tính ở động vật được chia thành các loại chính sau:

A. bẩm sinh, hỗn hợp B. bẩm sinh, học được

C. tự nhiên, học được D. học được, hỗn hợp

Câu 5: Sinh trưởng và phát triển của động vật qua biến thái không hoàn toàn là trường hợp ấu trùng phát triển

A. hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành

B. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần biến đổi ấu trùng biến thành con trưởng thành

C. chưa hoàn thiện, qua một lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành

D. chưa hoàn thiện, qua nhiều lần lột xác ấu trùng biến thành con trưởng thành

Câu 6: Ví dụ nào sau đây cho thấy con người điều khiển sự sinh trưởng phát triển của vật nuôi thông qua việc tác động vào môi trường sống ?

A. Tiêm phòng vắc xin H5N1 cho gà

B. Thay nước cho cá trong ao hồ

C. Thụ tinh nhân tạo cho bò

D. Lai giống lợn Ỉ với lợn Đại Bạch

Câu 7: Các kiểu phát triển ở động vật bao gồm:

A. Phát triển qua biến thái hoàn toàn và không qua biến thái

B. Phát triển qua biến thái và không qua biến thái hoàn toàn

C. Phát triển qua biến thái hoàn toàn và phát triển qua biến thái không hoàn toàn

D. Phát triển qua biến thái và phát triển không qua biến thái

Câu 8: Cho các nhận định sau

(1) Nét hoa văn trên cây thân gỗ có xuất xứ từ vòng năm.

(2) Trong cấu tạo của thân cây gỗ, gỗ dác có đặc điểm gồm các lớp tế bào mạch gỗ thứ cấp trẻ, có màu sáng làm nhiệm vụ vận chuyển nước và các ion khoáng

(3) Vòng năm gồm một lớp vòng gỗ màu sáng xen giữa hai lớp vòng gỗ màu sẫm

(4) Các vòng gỗ không đều nhau vì tốc độ sinh trưởng trong các năm các mùa năm không giống nhau

Nhận định đúng khi nói về cấu tạo cây thân gỗ là

- A. (1), (2), (3) B. (1), (3), (4) C. (2), (3),(4) D. (1), (2), (4)

Câu 9: Yếu tố nào sau đây có khả năng điều tiết tốc độ sinh trưởng của cây ?

- A. Hoocmôn B. Di truyền C. Ánh sáng D. Nhiệt độ

Câu 10: Mô phân sinh đỉnh không có ở vị trí nào của cây?

- A. Chồi nách B. Chồi đỉnh C. Thân D. đỉnh rễ

Câu 11: Hoocmôn nào sau đây ảnh hưởng đến sự biến thái, trong quá trình phát triển của ngành chân khớp?

- A. Ecđixơn B. Insulin C. Auxin D. Tirôxin

Câu 12: Chọn 1 cây mít có chiều cao 2m, đóng 1 cái đinh đóng vào thân cây ở vị trí xác định so với gốc cách mặt đất là 10cm. Giả sử trong điều kiện thích hợp, mỗi năm cây tăng trưởng về chiều cao trung bình 40cm. Sau 3 năm khoảng cách của đinh bị đóng so với gốc sát mặt đất khoảng

- A. 50cm B. 130cm C. 10 cm D. 30cm

Câu 13: Mô phân sinh là

A. một nhóm tế bào thực vật đã phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong một giai đoạn nào đó của cây

B. một nhóm tế bào thực vật chưa phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong một giai đoạn nào đó của cây

C. một nhóm tế bào thực vật đã phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong suốt đời sống của cây

D. một nhóm tế bào thực vật chưa phân hóa, duy trì khả năng phân chia trong suốt đời sống của cây

Câu 14: Biến thái là:

A. sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật ở giai đoạn phôi hoặc phôi thai

B. sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và từ từ về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra

C. sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra

D. sự thay đổi từ từ về hình thái, cấu tạo và về sinh lý của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra

Câu 15: Hooomon ra hoa được hình thành ở lá là

A. florigen

B. auxin

C. photocrom

D. xitokinin

Câu 16: Trong các nhận xét về ứng dụng kiến thức sinh trưởng và phát triển sau đây, có bao nhiêu nhận xét đúng?

(1) Cây thanh long là cây ngày ngắn, nên thấp đèn vào mùa đông để chia đêm dài thành hai đêm ngắn giúp thanh long ra hoa trái vụ

(2) Biện pháp thấp đèn vào ban đêm ở các vườn trồng cúc vào mùa thu có tác dụng kìm hãm sự ra hoa vì cúc là cây ngày ngắn.

(3) Trồng cây cải bắp ta nên trồng vào vụ đông xuân thì mới đạt năng suất cao

(4) Để điều tiết các cây gỗ trong rừng, khi cây còn non ta không nên để mật độ dày mà cần tỉa bớt để cây không cạnh tranh nhau về ánh sáng, dinh dưỡng, giúp cho cây tăng trưởng nhanh về chiều cao.

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 17: Sinh trưởng của thực vật là quá trình

A. tăng lên về khối lượng và chất lượng của quả trên cây

B. tăng lên về chiều dài của rễ và chiều cao của thân cây

C. tăng lên về đường kính, chiều ngang của thân và rễ cây

D. tăng lên về kích thước, khối lượng của các bộ phận trong cây

Câu 18: Mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển thể hiện trong chu trình sống của thực vật là

A. Sinh trưởng diễn ra trước , phát triển diễn ra sau.

B. Sinh trưởng là cơ sở cho phát triển, phát triển thúc đẩy sinh trưởng.

C. Sinh trưởng là kết quả của phát triển, phát triển là cơ sở cho sinh trưởng

D. Sinh trưởng bao hàm cả phát triển, phát triển gắn liền với sinh trưởng

Câu 19: Sự phát triển của động vật đẻ trứng trải qua 2 giai đoạn là

- A. phôi và sau sinh
 B. phôi thai và sau sinh
 C. phôi thai và hậu phôi
 D. phôi và hậu phôi

Câu 20: Ngỗng con mới nở chạy theo người chủ trang trại là hình thức học tập

- A. quen nhờn B. điều kiện hoá C. in vết D. học ngầm

Câu 21: Thỏ rừng học cách nhận biết môi trường xung quanh giúp chúng nhanh chóng tìm được thức ăn và tránh thú săn mồi là kiểu học tập

- A. in vết B. học khôn C. điều kiện hóa D. học ngầm

Câu 22: Giai đoạn phôi của quá trình phát triển ở châu chấu có đặc điểm

- A. hợp tử phân chia nhiều lần hình thành phôi, sau đó phôi phân hóa tạo thành các cơ quan
 B. sau nhiều lần lột xác, chúng lớn lên rất nhanh.
 C. ống tiêu hóa của ấu trùng có đầy đủ các enzym tiêu hóa.
 D. ấu trùng phát triển chưa hoàn thiện.

Câu 23: Có một số nhận định sau:

- (1) Ong thợ sẵn sàng chiến đấu và hi sinh bản thân để bảo vệ ong chúa và cả đàn là tập tính xã hội.
 (2) Cá hồi bơi về đầu nguồn để đẻ trứng là tập tính di cư.
 (3) Chim mẹ kiếm mồi khi con non và dạy bay khi con trưởng thành là ví dụ về tập tính kiếm ăn
 (4) Khỉ, linh cẩu sống theo bầy đàn, trong đàn luôn có một con khoẻ mạnh nhất là con đầu đàn là tập tính bảo vệ lãnh thổ.

Có bao nhiêu nhận định đúng về các dạng tập tính động vật?

- A. 5 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 24: Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về sự phát triển của cơ thể người ?

- A. Trẻ sơ sinh chỉ lớn lên về kích thước để trở thành người trưởng thành
 B. Thuộc kiểu phát triển không qua biến thái
 C. Giai đoạn phôi diễn ra ở ống dẫn trứng, còn giai đoạn thai nhi diễn ra trong tử cung người mẹ
 D. Càng về giai đoạn trưởng thành, tốc độ sinh trưởng của cơ thể người càng nhanh

Câu 25: Bạch đàn thường có tốc độ tăng trưởng chiều dài thân nhanh hơn so với lim. Điều này phản ánh vai trò của nhân tố nào đối với sự sinh trưởng của thực vật ?

- A. Đặc điểm di truyền B. Thời kì sinh trưởng

- B. để bù lại lượng chất hữu cơ bị phân hủy trong cơ thể dùng cho bê nghé chống lạnh
- C. để thúc cho bê nghé sinh trưởng nhanh , dự trữ chất dinh dưỡng cho mùa nóng
- D. để tăng cường thời gian nhai lại khi bê nghé không được chăn thả ngoài trời

www.eLib.vn